

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



THẬN TRỌNG TRÊN VÙNG CAO

Ngày: 02/03/2026 – 06/03/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

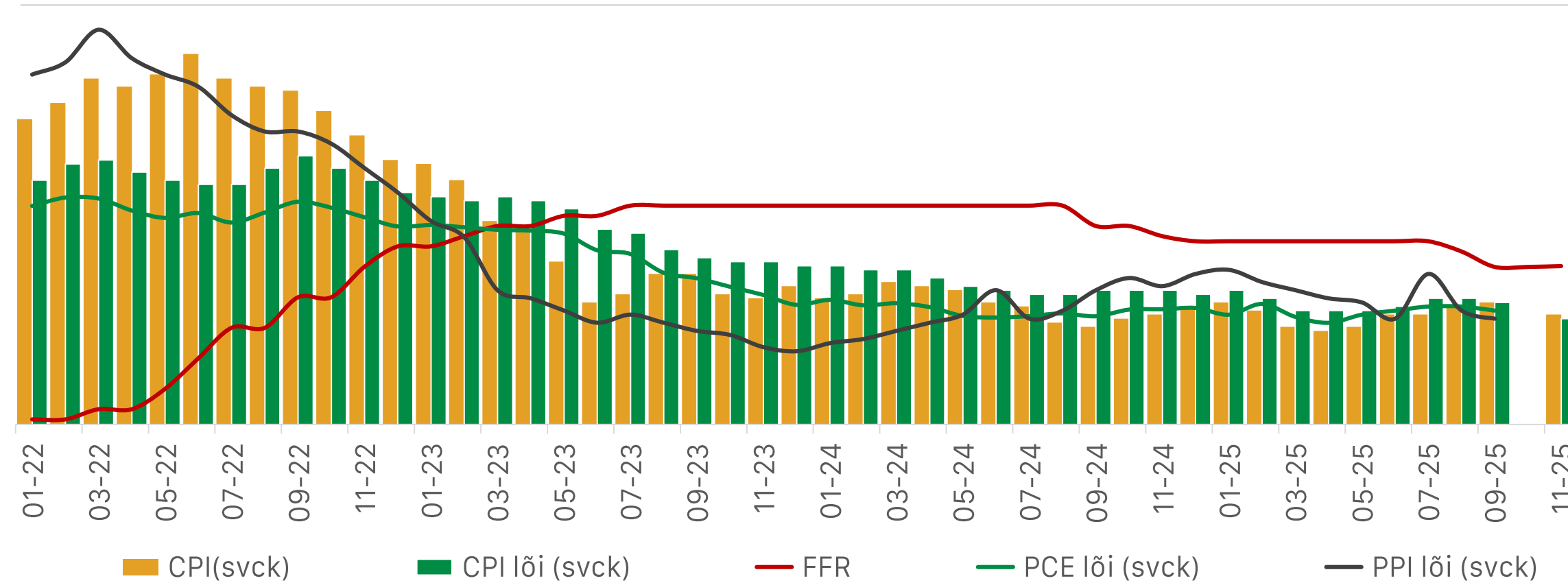


Kinh tế Mỹ — tăng trưởng chậm lại, lạm phát dai dẳng và thị trường lao động điều chỉnh

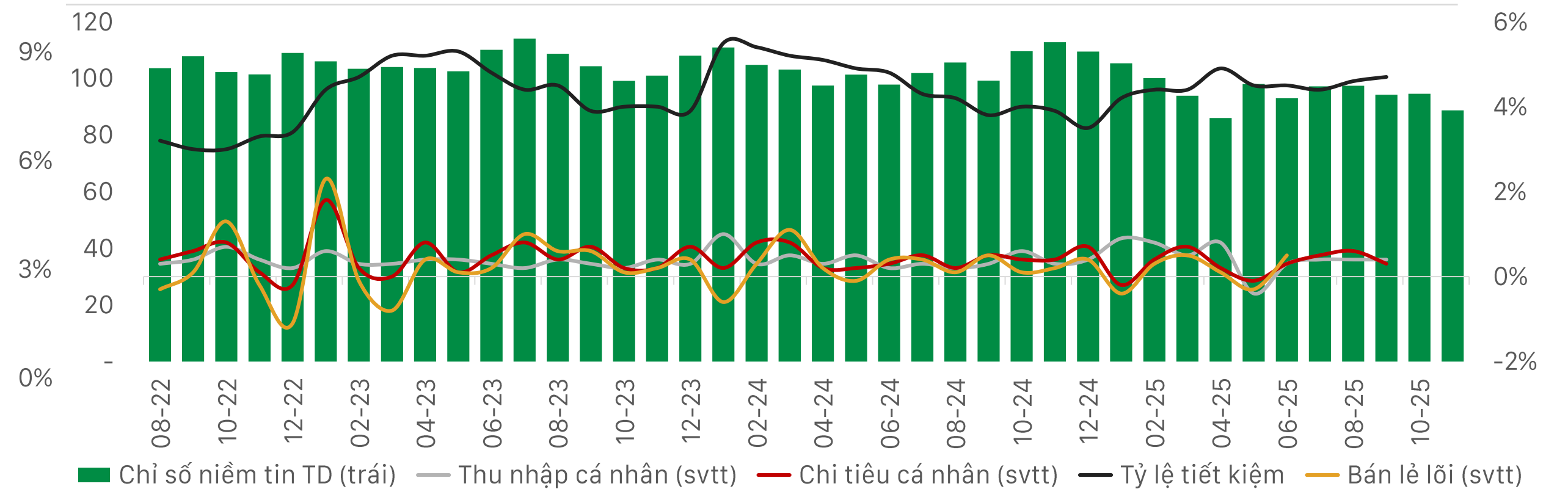


Tăng trưởng “chậm nhưng không suy thoái”, với GDP thấp hơn kỳ vọng nhưng không rơi vào suy thoái kỹ thuật. Nền kinh tế vẫn duy trì mở rộng dựa trên tiêu dùng và đầu tư vào công nghệ (như thiết bị liên quan đến AI), nhưng phần còn lại của tăng trưởng — như tiêu dùng rộng rãi và đầu tư tư nhân ngoài công nghệ — còn yếu. Thị trường lao động vẫn ở mức tương đối khỏe, nhưng dấu hiệu tuyển dụng chậm lại và sự xáo trộn việc làm do tự động hóa/AI cho thấy thị trường đang trong quá trình điều chỉnh, làm giảm sức ép lên tiền lương và lạm phát. Sự căng thẳng giữa phần dữ liệu lạm phát vẫn trên mục tiêu và thị trường lao động hạ nhiệt khiến Fed rất thận trọng, điều chỉnh chính sách tiền tệ từ từ hơn thay vì cắt mạnh lãi suất.

Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều

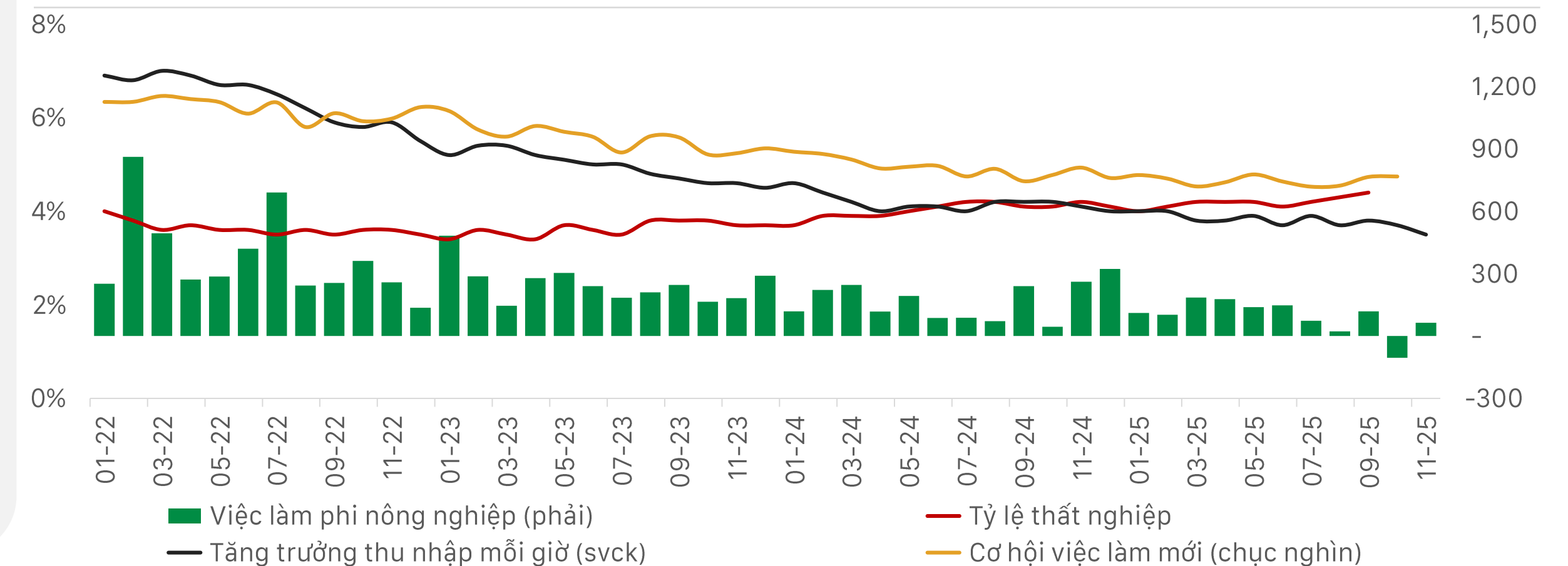


Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng



Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều. Số liệu chính thức cho thấy tăng trưởng GDP của Mỹ trong quý IV 2025 chỉ đạt ~1,4 %, thấp hơn kỳ vọng của giới chuyên gia và cho thấy nền kinh tế chịu tác động mạnh từ đóng cửa chính phủ kéo dài và chi tiêu kiềm chế. Nhìn chung kinh tế đang mở rộng nhưng với tốc độ khiêm tốn, và tăng trưởng “kém bền” hơn so với giai đoạn trước đó. **Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt.** Đơn xin trợ cấp thất nghiệp gần đây giảm xuống mức ~206 000, thấp hơn dự báo, cho thấy thất nghiệp vẫn ở mức thấp theo lịch sử. Tuy vậy, dữ liệu việc làm cho thấy đà tuyển dụng chậm lại, số việc làm tạo mới không mạnh và nhiều doanh nghiệp công bố cắt giảm tuyển dụng, đặc biệt trong các ngành chịu ảnh hưởng tự động hóa và AI — tạo ra tâm lý “nguội” trong thị trường lao động. **Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng.** Mặc dù lạm phát có xu hướng giảm, chỉ số lạm phát ưa thích của Fed vẫn duy trì trên mục tiêu ~2 %, khiến Fed và các quan chức như bà Mary Daly nhấn mạnh sự cần thiết của chính sách tiền tệ thận trọng để đảm bảo lạm phát duy trì xu hướng hạ dần. Dữ liệu kinh tế hỗn hợp tạo ra môi trường mà Fed không thể cắt lãi nhanh hoặc quá sâu.

Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt

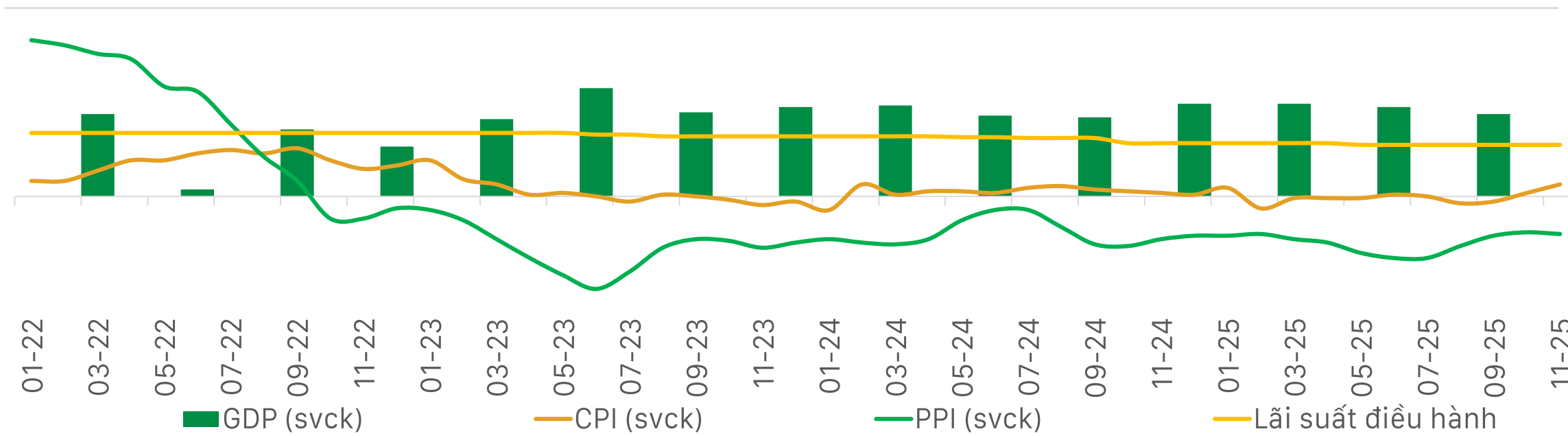


Trung Quốc "ổn định nhưng suy yếu nội lực" — tăng trưởng chậm lại, bất động sản kéo lùi và chuyển dịch hướng tới tiêu dùng



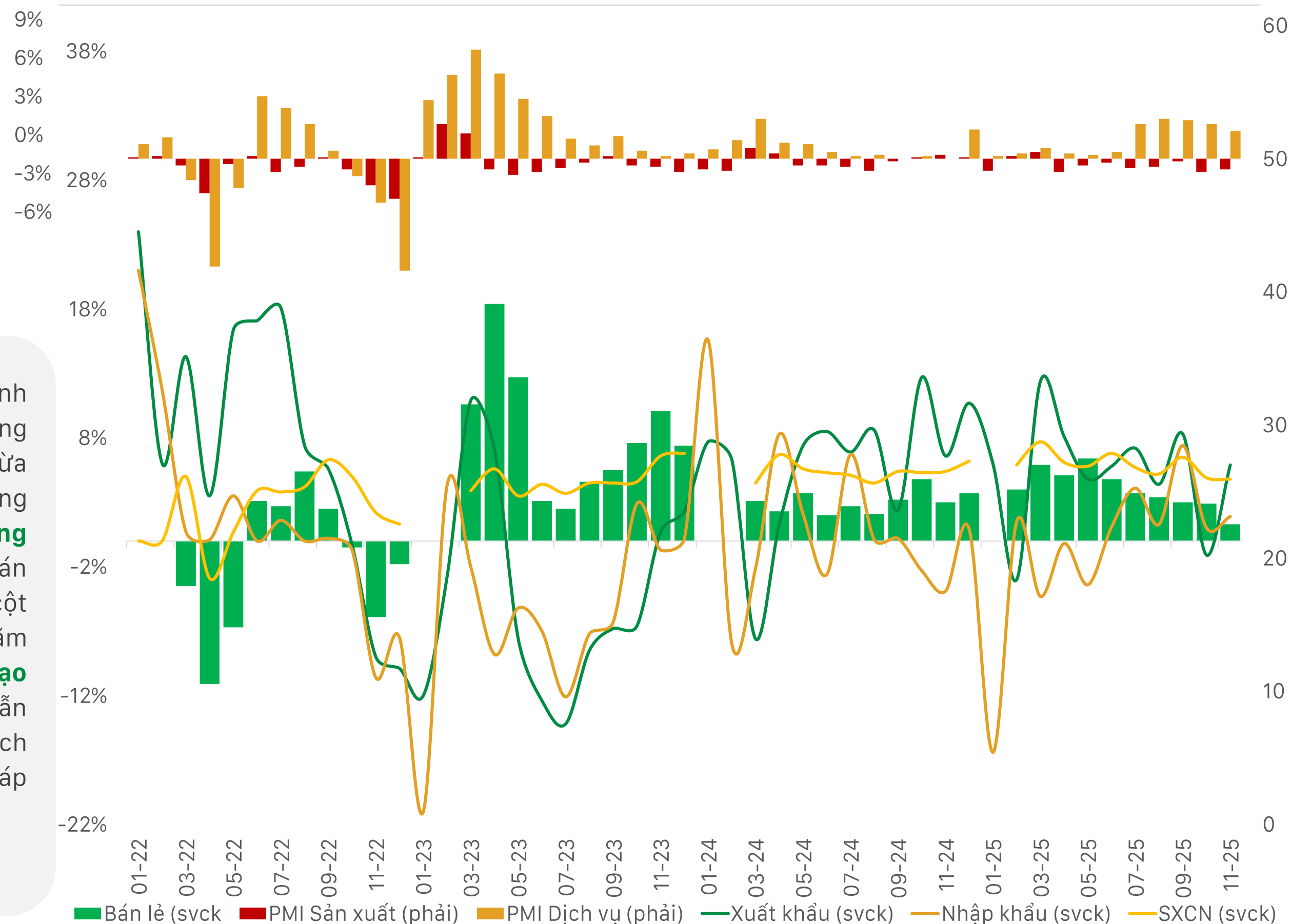
Bức tranh kinh tế Trung Quốc cho thấy sự ổn định trong bối cảnh khó khăn nội lực kéo dài: tốc độ tăng trưởng giảm dần nhưng vẫn duy trì ở mức dương, chủ yếu nhờ xuất khẩu và đầu tư công, trong khi tiêu dùng nội địa và thị trường bất động sản còn đang yếu. Điều này tạo ra trạng thái "ổn định yếu" — tăng trưởng tổng thể không suy thoái nhưng không đủ mạnh để đạt mục tiêu cao hơn. Trong đầu năm 2026 và trung hạn, triển vọng tăng trưởng sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng: kích thích cầu tiêu dùng nội địa hiệu quả hơn, qua các gói kích cầu và cải thiện an sinh xã hội để kéo giảm tiết kiệm phòng ngừa; giải quyết tình trạng dư cung và nợ xấu trong bất động sản, tránh rủi ro tài chính lan rộng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sang dịch vụ và công nghệ cao, nhằm giảm phụ thuộc vào xuất khẩu và ngành công nghiệp truyền thống. Rủi ro chính cần theo dõi là sức ép giảm phát do tiêu dùng yếu và dư cung tài sản, cùng với áp lực quốc tế từ các căng thẳng thương mại và đề nghị giảm trợ cấp công nghiệp từ IMF, có thể ảnh hưởng tới tính bền vững của mô hình tăng trưởng hiện tại.

Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026.



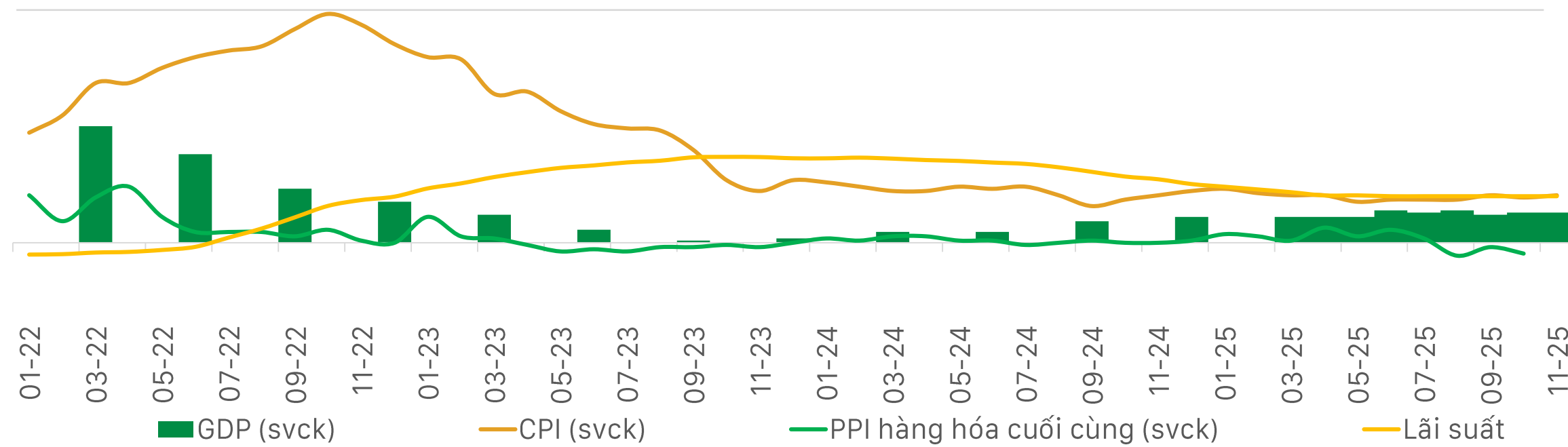
1. Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026. Các tổ chức quốc tế và định chế tài chính hàng đầu dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ giảm so với năm trước, với mức dự báo khoảng 4.1–4.8 % trong năm 2026 tùy nguồn (Fitch, Goldman Sachs, UBS). Điều này phản ánh sự suy yếu vừa phải trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng nội địa, dù vẫn đủ duy trì tăng trưởng ở mức dương trong bối cảnh toàn cầu chậm lại. **2. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ.** Hoạt động tiêu dùng được kỳ vọng tăng nhẹ, đặc biệt trong các dịp lễ như Tết Nguyên đán nhằm kích cầu nội địa, nhưng tổng cầu vẫn không đủ mạnh để bù đắp cho sự yếu đi của các trụ cột khác. Chính phủ đang thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ như thể thao mùa đông, du lịch và chăm sóc sức khỏe để tái cấu trúc động lực tăng trưởng. **3. Bất động sản tiếp tục là điểm nghẽn lớn, tạo rủi ro lan tỏa.** Thị trường bất động sản — một trong những trụ cột của nền kinh tế Trung Quốc — vẫn trong giai đoạn suy thoái kéo dài, với doanh số bán nhà giảm mạnh và dư cung lớn. Các nhà phân tích từ S&P Global Ratings nhận định doanh thu bán nhà có thể tiếp tục giảm mạnh trong năm nay, gây áp lực lên các doanh nghiệp phát triển bất động sản và làm giảm thu nhập hộ gia đình.

. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ



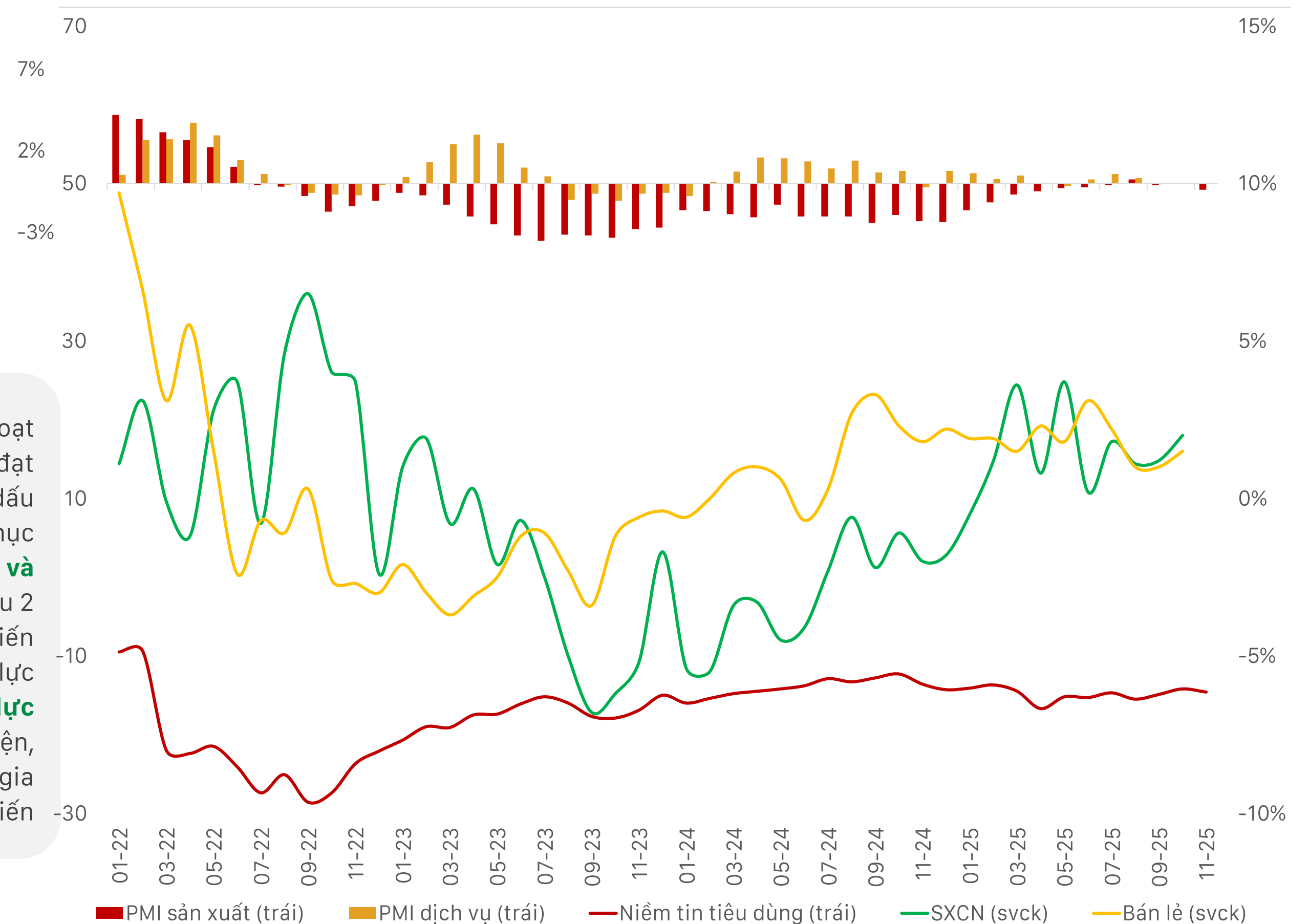
Dấu hiệu phục hồi hoạt động trong ngắn hạn, đặc biệt sự bật lên của sản xuất và PMI tổng hợp cao hơn dự kiến. Tuy nhiên, đây vẫn là “phục hồi giữa nền tảng yếu”: lạm phát khu vực đồng euro duy trì thấp hơn mục tiêu ECB, tạo dư địa chính sách tiền tệ ổn định nhưng cũng phản ánh cầu nội địa chưa đủ mạnh; niềm tin tiêu dùng thấp và thị trường lao động chỉ phục hồi từ từ chưa đủ sức kéo tăng trưởng tự thân. Trong quý II–III/2026, dự báo cho thấy kinh tế khu vực sẽ tiếp tục mở rộng ở mức vừa phải (~1,4–1,6 % GDP theo BNP Paribas và các tổ chức quốc tế), với việc sản xuất và dịch vụ hỗ trợ lẫn nhau. Lạm phát có khả năng duy trì thấp quanh mục tiêu dài hạn, giảm áp lực cho việc tăng mạnh lãi suất, nhưng cũng đặt ra thách thức về hút vốn đầu tư tư nhân và cải thiện chi tiêu tiêu dùng. Rủi ro trọng yếu cần theo dõi: Lạm phát thấp kéo dài, có thể khiến ECB phải duy trì lãi suất thấp hơn cần thiết và hạn chế “đòn bẩy” tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng; Niềm tin tiêu dùng kéo dài thấp, ảnh hưởng tới sức chi tiêu nội địa và nhu cầu dịch vụ; Tình trạng phân hóa kinh tế nội khối, khi một số nước như Đức phục hồi rõ hơn trong sản xuất, nhưng phạm vi lan tỏa còn hạn chế.

Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn



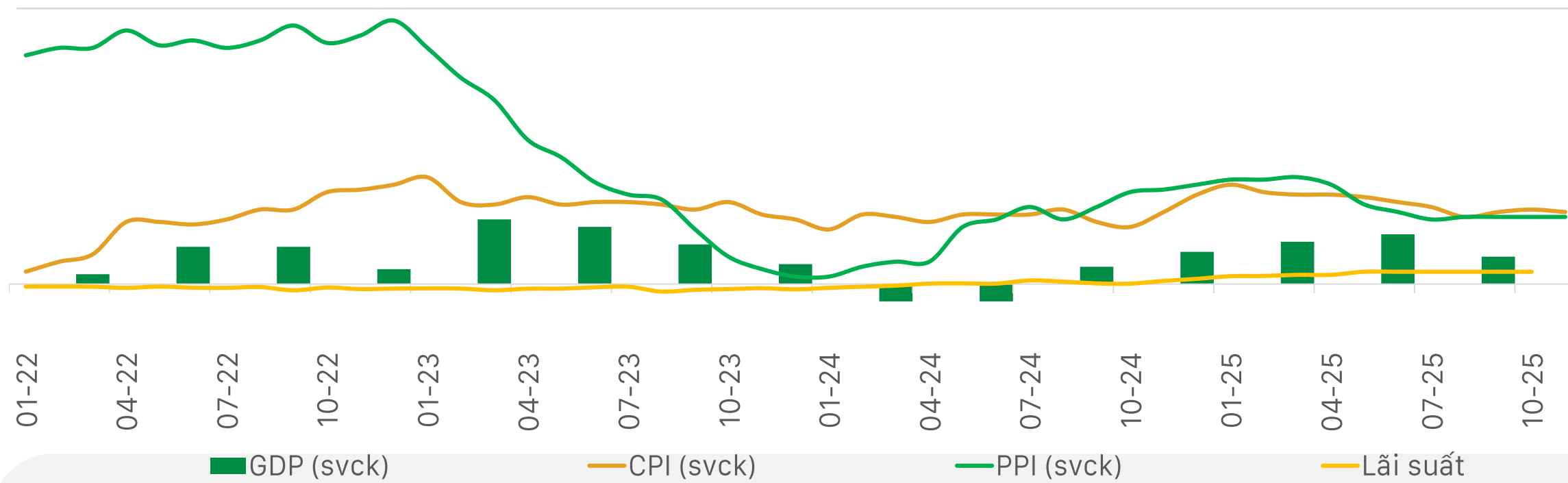
1. Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn. Dữ liệu PMI flash mới nhất cho thấy hoạt động kinh doanh ở khu vực đồng euro tăng cao hơn kỳ vọng trong tháng 02/2026, với PMI tổng hợp đạt 51,9 và PMI sản xuất tăng trở lại trên mức 50, lần đầu tiên sau nhiều tháng, cho thấy sản xuất có dấu hiệu mở rộng và các đơn hàng mới gia tăng. Điều này phần nào minh chứng động lực tăng trưởng phục hồi ngay từ đầu năm, dù mức mở rộng vẫn ở cường độ vừa phải. **2. Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ.** Khu vực euro tiếp tục chứng kiến lạm phát giảm xuống dưới mục tiêu 2 %, với dữ liệu CPI mới nhất cho thấy tỷ lệ ở khoảng 1,7 %–1,9 %, thấp nhất trong nhiều tháng. Diễn biến này củng cố triển vọng chính sách thận trọng của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), giảm áp lực tăng lãi, và tập trung hơn vào cân bằng giữa kích thích tăng trưởng và duy trì ổn định giá cả. **3. Nội lực yếu – niềm tin tiêu dùng và tăng trưởng lao động còn hạn chế.** Dù hoạt động doanh nghiệp cải thiện, niềm tin tiêu dùng vẫn ở mức thấp so với trung bình dài hạn, phản ánh kỳ vọng thận trọng của hộ gia đình và doanh nghiệp. Sự phục hồi của thị trường lao động diễn ra từ từ và chưa tạo ra đột biến, khiến chi tiêu nội địa và đầu tư tư nhân chưa thể mạnh mẽ nâng đỡ tăng trưởng tổng thể.

Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ



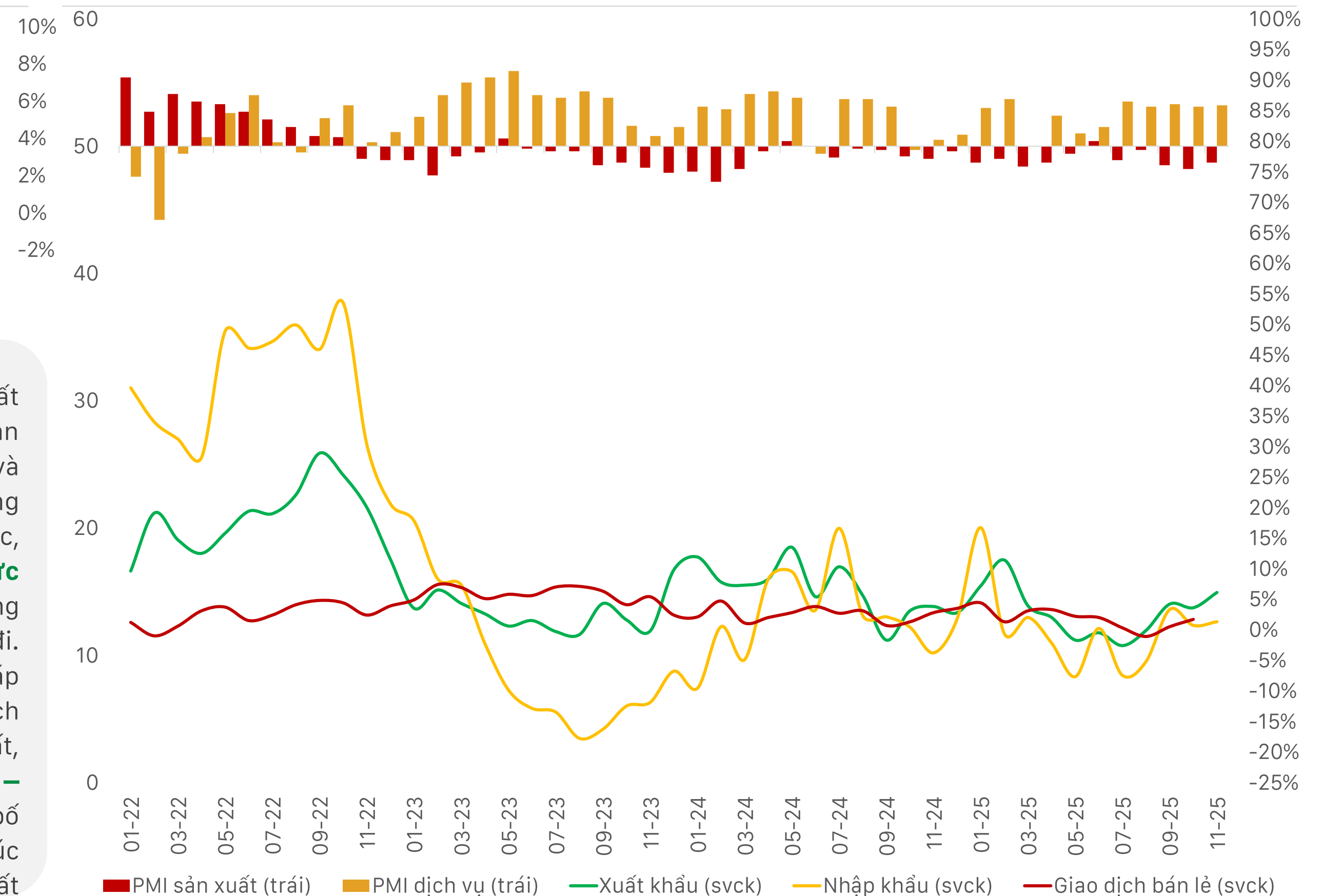
Nền kinh tế Nhật Bản đang bước vào giai đoạn phục hồi với nhiều dấu hiệu đan xen: sản xuất và xuất khẩu thể hiện sức mạnh rõ rệt nhờ nhu cầu trong nước và khu vực châu Á, nhưng áp lực lạm phát và lựa chọn chính sách tiền tệ vẫn còn phức tạp. Sự giảm tốc lạm phát tổng thể dưới mức mục tiêu 2 % đặt BoJ vào thế cân bằng giữa việc hỗ trợ tăng trưởng và phòng nguy cơ giảm phát tái diễn — điều có thể làm trì hoãn những bước nâng lãi suất thêm trong ngắn hạn để tránh bóp nghẹt đà phục hồi mới. Chính sách tài khóa đang trở thành trụ đỡ quan trọng đối với triển vọng 2026, thể hiện qua các kế hoạch kích thích đầu tư chiến lược và trợ giá tiêu dùng; tuy nhiên, những biện pháp này phải được điều phối cẩn trọng với mục tiêu kiểm soát nợ công đang ở mức cao. Dự báo ngắn hạn (Q1–Q2/2026): Tăng trưởng GDP có thể tiếp tục duy trì ở mức dương nhưng khiêm tốn, hỗ trợ bởi sản xuất, xuất khẩu và đầu tư công. Lạm phát tổng thể vẫn lọt dưới 2 %, làm dịu kỳ vọng tăng lãi mạnh của BoJ, trong khi lạm phát dịch vụ vẫn còn lực giữ mục tiêu. Chính sách tài khóa tiếp tục là động lực quan trọng hỗ trợ chi tiêu và đầu tư dài hạn.

BoJ tiếp tục lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ.



1. Hoạt động sản xuất – xuất khẩu cải thiện rõ nét. Báo cáo PMI gần nhất cho thấy ngành sản xuất Nhật Bản mở rộng nhanh nhất trong gần 4 năm, với PMI sản xuất đạt 52,8 trong tháng 02/2026, phản ánh đà tăng đơn hàng mới và sản lượng phục hồi, đặc biệt trong các ngành công nghệ như bán dẫn và AI. Đây là dấu hiệu tích cực cho tăng trưởng kinh tế ngắn hạn. Bên cạnh đó, xuất khẩu Nhật Bản tăng gần 17 % trong tháng 01/2026, dẫn đầu bởi nhu cầu mạnh từ Trung Quốc và các thị trường châu Á khác, cho thấy thương mại hàng hóa vẫn là đầu kéo chính cho GDP. **2. Lạm phát hạ nhiệt và thách thức chính sách tiền tệ.** Dữ liệu CPI cho thấy lạm phát tổng thể giảm xuống khoảng 1,5 % trong tháng 01/2026, lần đầu dưới mục tiêu 2 % kể từ năm 2022, chủ yếu do giá thực phẩm và năng lượng mềm đi. Đồng thời, lạm phát lõi (không tính thực phẩm tươi sống) vẫn ở gần mục tiêu khoảng 2 %, cho thấy áp lực giá giảm và dịu nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi rủi ro giảm phát. Sự sụt giảm này tạo ra thách thức cho Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) trong việc quyết định thời điểm tiếp tục tăng lãi suất, khi áp lực giá tổng thể yếu hơn nhưng nền tảng lạm phát dịch vụ vẫn ổn. **3. Chính sách tài khóa – chiến lược tăng trưởng mới.** Chính phủ Nhật Bản dưới thời Thủ tướng Sanae Takaichi đã công bố chuyển hướng mạnh từ thắt lưng buộc bụng sang chính sách tài khóa chủ động hơn, với cam kết thúc đẩy đầu tư dài hạn, giảm thuế tiêu dùng tạm thời và tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như AI, chất bán dẫn và đóng tàu nhằm tái kích hoạt động lực tăng trưởng.

Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng thiếu bứt phá



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	5,278.01	3.3%	-2.6%	22.2%	84.8%
WTI/USD	67.02	0.8%	6.0%	16.7%	-3.9%
Bitcoin	63,977	-5.9%	-24.4%	-26.9%	-25.7%
Dow Jones	48,978	-1.3%	-0.1%	1.9%	11.7%
S&P 500	6,879	-0.4%	-1.4%	0.5%	15.5%
Nasdaq	24,960	-0.2%	-4.1%	-1.2%	19.5%
GP100	10,911	2.1%	7.5%	9.9%	23.9%
DAX	25,284	0.1%	1.9%	3.2%	12.1%
CAC 40	8,581	0.8%	6.4%	5.3%	5.8%
Euro Stoxx 50	6,130	0.0%	3.3%	5.8%	12.2%
Nikkei 225	58,850	3.6%	10.3%	16.9%	58.4%
Shanghai	4,163	1.1%	0.3%	4.9%	25.4%
Hang Seng	26,631	0.8%	-4.3%	3.9%	16.1%
Vnindex	1,880	1.1%	4.3%	5.4%	44.1%
VND/USD	1,020	2.5%	14.1%	22.0%	33.0%
DXY	26,045	0.3%	-0.1%	-1.0%	2.0%

- Trong tuần giao dịch qua, thị trường chứng khoán Mỹ thể hiện tâm lý thận trọng rõ rệt khi cả ba chỉ số chính đều đi xuống dù có những phiên phân hóa nội tại. Thị trường dao động theo các tin dữ liệu lạm phát nóng hơn kỳ vọng và căng thẳng Trung Đông gia tăng, với các phiên cuối tháng chứng kiến S&P 500 và Nasdaq tiếp tục kém sắc trong bối cảnh nỗi lo về tăng trưởng và chính sách tiền tệ. Kết quả là cả tuần Dow mất khoảng -1,3%, phản ánh dòng tiền chuyển sang tài sản phòng ngừa rủi ro và sự thận trọng của nhà đầu tư.
- Ở thị trường tiền số, Bitcoin trải qua dao động và đôi lúc hồi phục lên gần \$67–68K vào đầu tháng 3 nhưng vẫn giảm -6% so với tuần trước. Biến động này phần lớn do dòng tiền rút khỏi tài sản rủi ro trong bối cảnh căng thẳng chính sách và địa chính trị. Trong khi đó, vàng tiếp tục đóng vai trò trú ẩn an toàn đặc biệt trong bối cảnh các bigboy lớn toàn cầu đang gia tăng nắm giữ. Giá vàng quốc tế duy trì xu hướng tăng xuyên suốt tuần và tiếp tục tăng mạnh khi chiến sự Trung Đông bùng nổ. Sự kiện này củng cố vai trò của vàng như tài sản phòng thủ hàng đầu khi rủi ro vĩ mô gia tăng.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



THANH KHOẢN VND ĐƯỢC DUY TRÌ DỒI DÀO — DXY SUY GIẢM, USD/VND HẠ NHIỆT; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỘC



Tỷ giá và thị trường ngoại hối Việt Nam tiếp tục thể hiện một trạng thái đánh đổi giữa ổn định tỉ giá và nhu cầu bảo đảm thanh khoản. Thanh khoản trong nước đang được hỗ trợ bằng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) khi NHNN duy trì bơm ròng đầu năm 2026, nhưng USD/VND vẫn neo ở mức cao tương đối do áp lực từ đồng USD mạnh toàn cầu (DXY) và kỳ vọng chính sách tiền tệ ở Mỹ. Kết luận ngắn & khuyến nghị Kịch bản cơ sở (Q1/2026): USD/VND tiếp tục dao động hẹp quanh mức hiện tại, NHNN duy trì bơm ròng OMO để ổn định thanh khoản; can thiệp FX nếu có cú sốc lớn từ DXY. Rủi ro trái chiều: Nếu DXY tăng mạnh hơn do bất ngờ dữ liệu kinh tế Mỹ hoặc thay đổi kỳ vọng chính sách Fed, USD/VND có thể chịu áp lực tăng trở lại. Ưu tiên theo dõi (thời gian tới): Diễn biến DXY & dữ liệu việc làm/lạm phát Mỹ (ảnh hưởng kỳ vọng Fed). Quy mô và kỳ hạn các phiên bơm ròng OMO của NHNN (ảnh hưởng thanh khoản ngắn hạn). Cầu ngoại tệ thương mại/hedging của doanh nghiệp và luồng FDI/ngân hàng (áp lực cung-cầu ngoại hối).

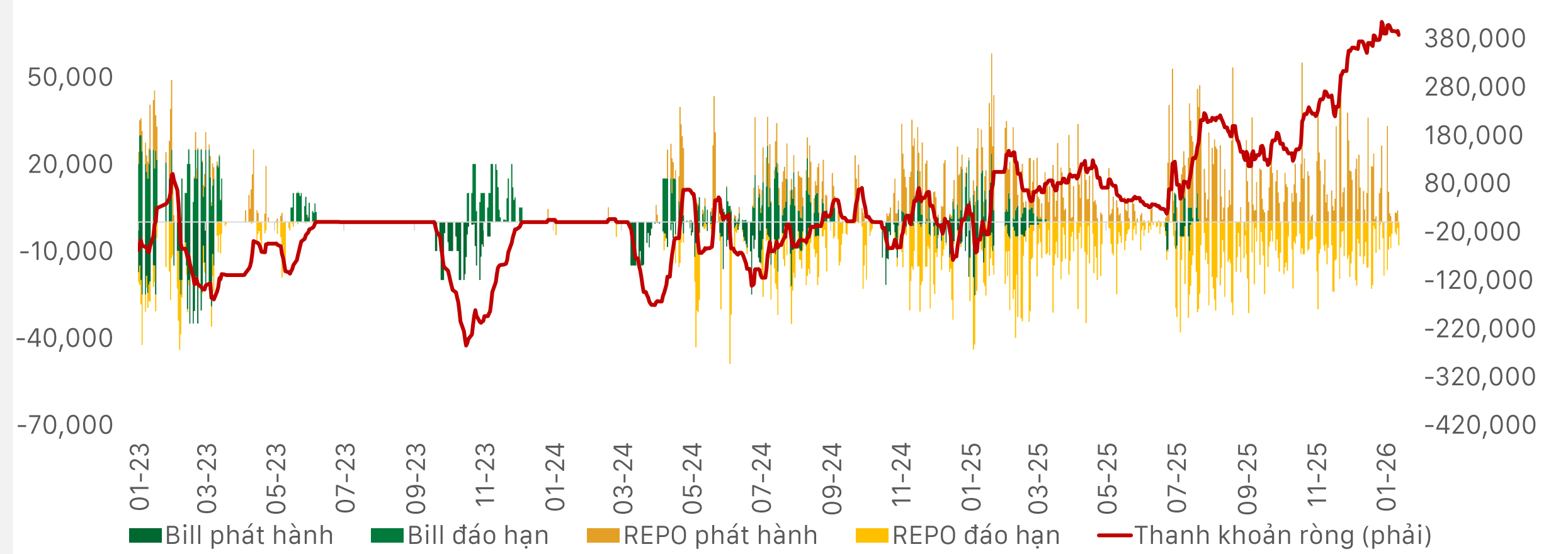
DXY duy trì ở vùng thấp — kỳ vọng Fed chưa chuyển sang hạ lãi suất rõ ràng. DXY có xu hướng phục hồi/ổn định trở lại đầu 2026, khiến USD toàn cầu giữ sức mạnh hơn so với kỳ vọng hạ lãi suất nhanh của thị trường. Thị trường hiện nhìn nhận Fed ở thế giữ quan điểm thận trọng/halted (nhiều tổ chức lùi kỳ vọng cắt giảm lãi suất sang nửa sau 2026), vì dữ liệu việc làm và lạm phát chưa tạo đủ bằng chứng để thúc đẩy cắt sớm. Điều này là động lực chính khiến DXY vẫn duy trì ở mức tương đối cao trong đầu năm. **NHNN duy trì “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO, ưu tiên ổn định thanh khoản.** NHNN tiếp tục vận hành OMO chủ động trong phiên đầu năm 2026 với bơm ròng hàng chục nghìn tỷ đồng (ví dụ ghi nhận bơm ~33,151 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá; phiên đầu năm có ghi nhận bơm ròng gần 17 nghìn tỷ đồng). Mục tiêu rõ ràng là giữ ổn định lãi suất liên ngân hàng và đảm bảo thanh khoản hệ thống, đồng thời để ngỏ công cụ can thiệp FX nếu cần. Diễn biến này cho thấy NHNN ưu tiên ổn định trong nước và duy trì công cụ linh hoạt để ứng phó với áp lực bên ngoài. **USD/VND: neo cao nhưng có dấu hiệu “hạ nhiệt” biến động ngắn hạn.** Thực tế thị trường từ đầu 01/2026 đến nay cho thấy USD/VND giao dịch quanh ~26,250–26,320 với các dao động intraday nhỏ; so với 01/01/2026 mức trung bình chưa tăng đột biến mà có xu hướng dao động hẹp hơn nhờ thanh khoản trong nước được hỗ trợ. Tuy nhiên, vì DXY vẫn tương đối mạnh, rủi ro bật lên của USD/VND vẫn hiện hữu nếu khối cầu ngoại tệ thương mại/hedging gia tăng.

DXY đang biến động duy trì ở vùng thấp

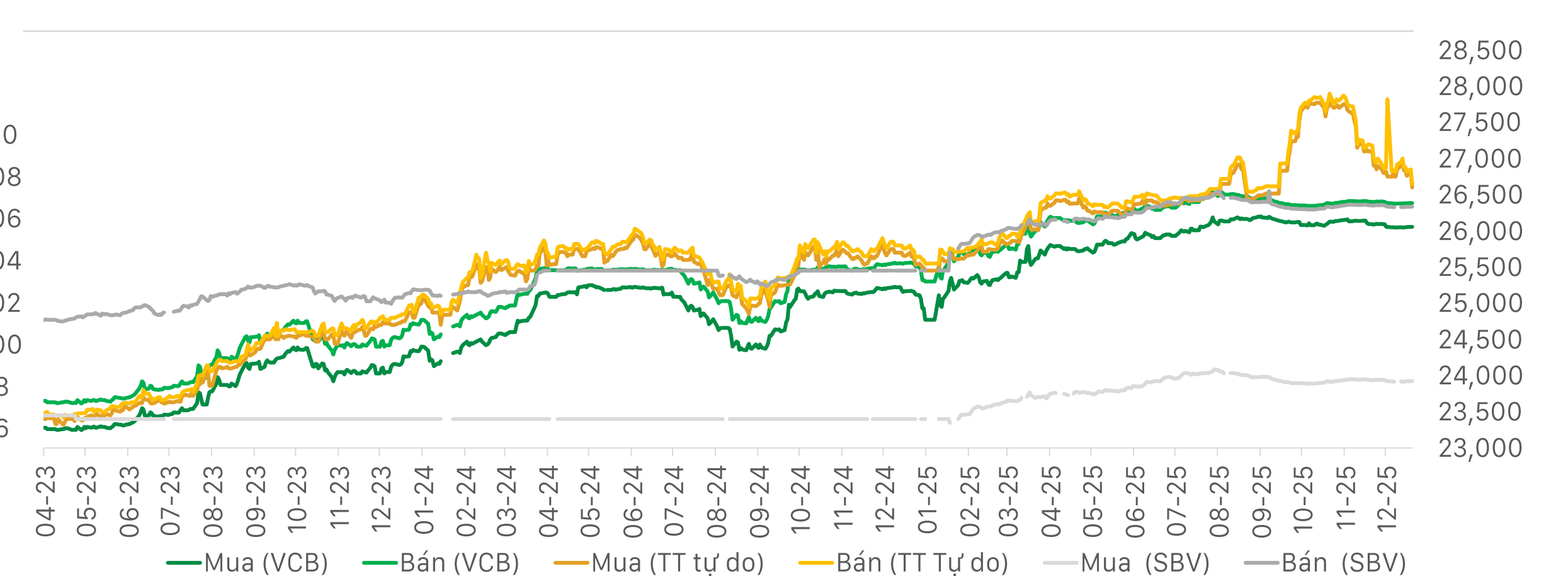


NHNN duy trì vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



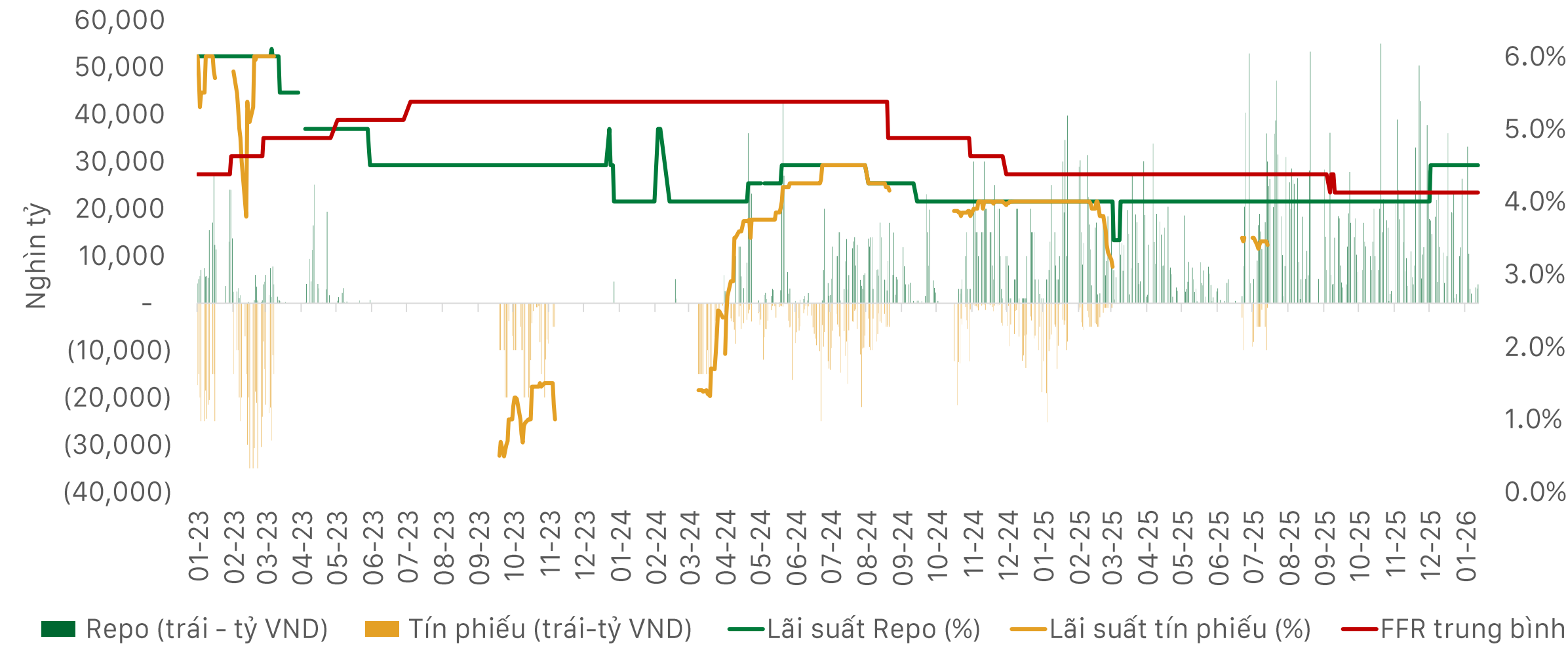
USD/VND có dấu hiệu hạ nhiệt. Đơn vị: VND/USD



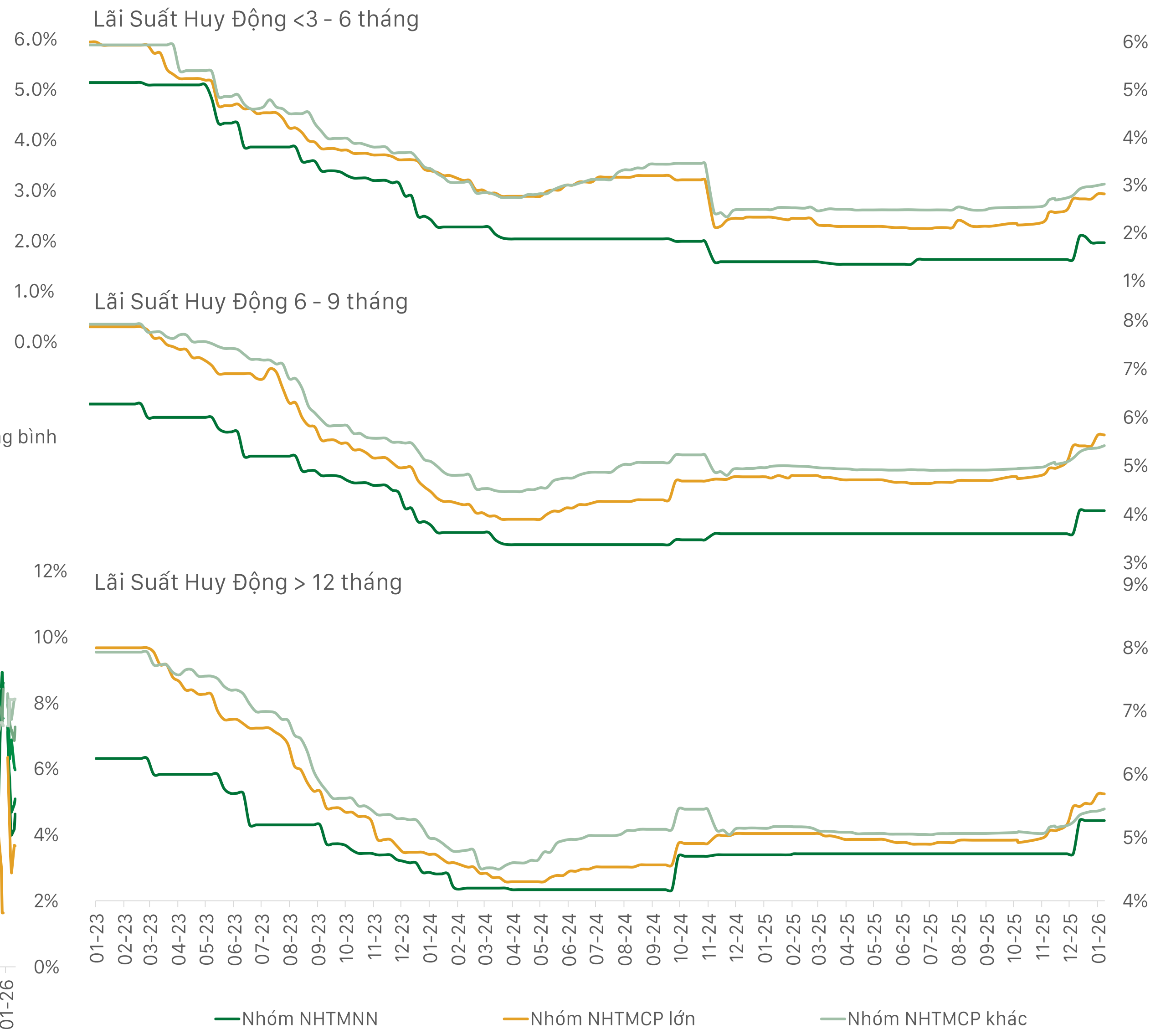
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



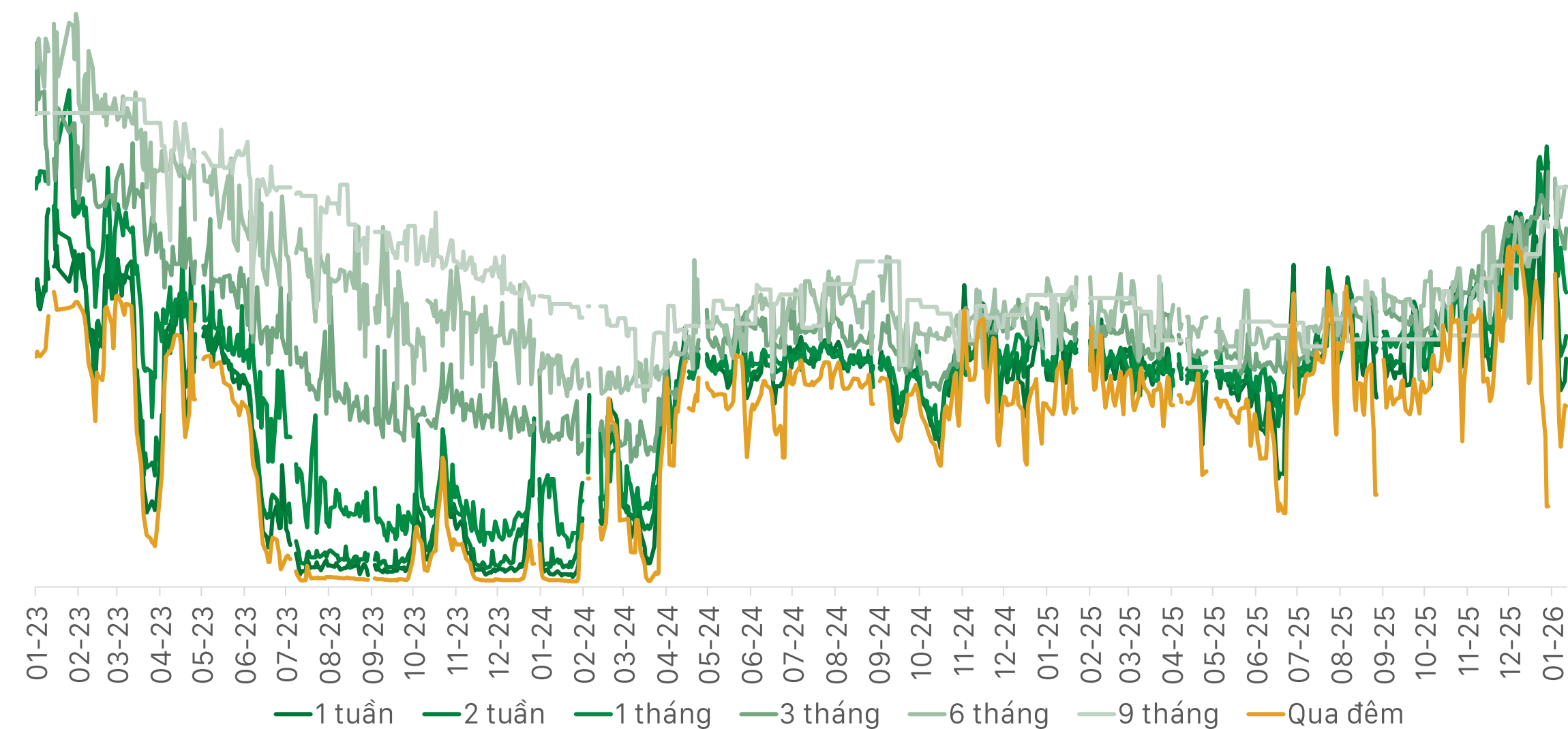
NHNN bơm mạnh Repo trở lại



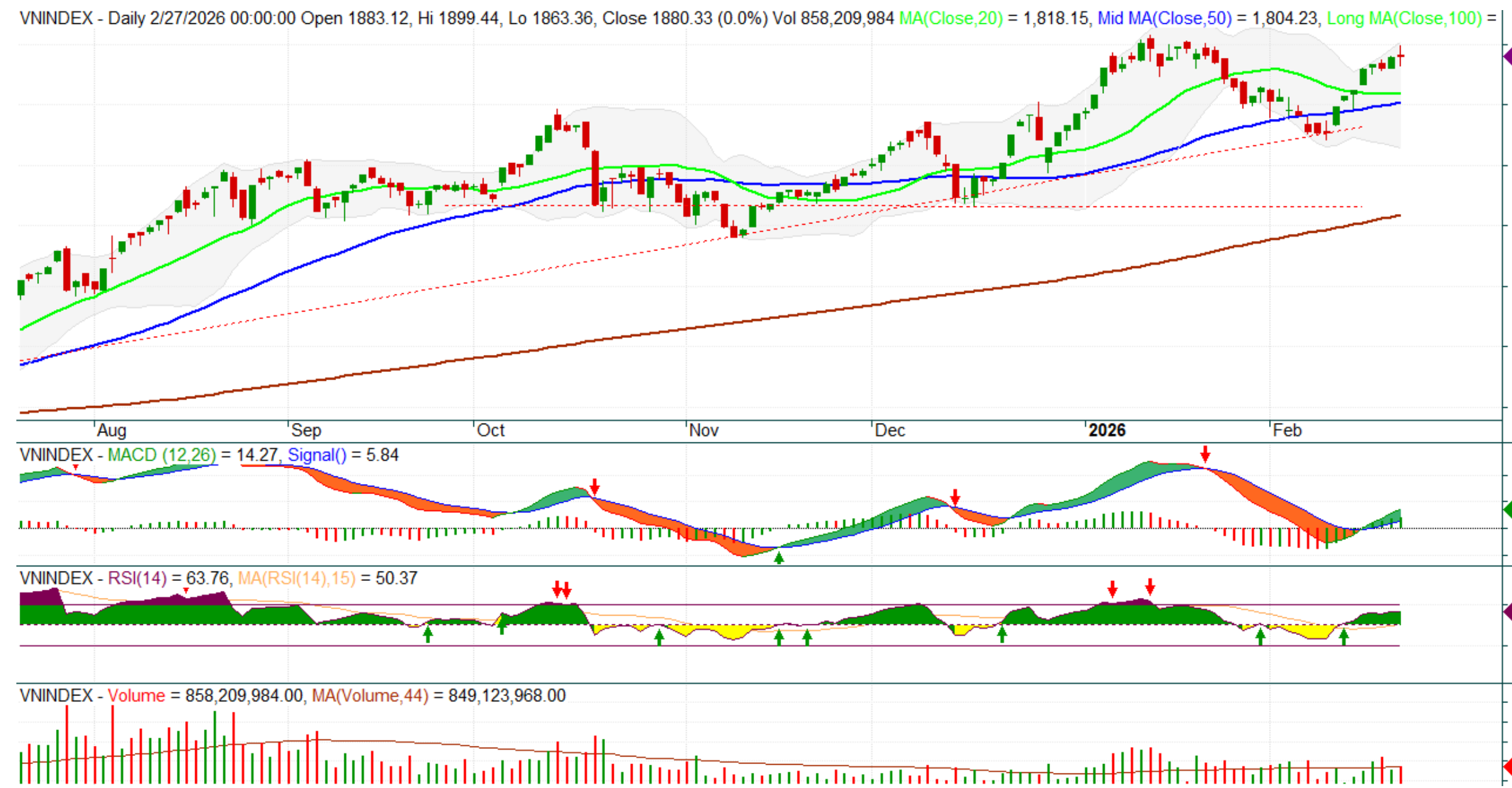
Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



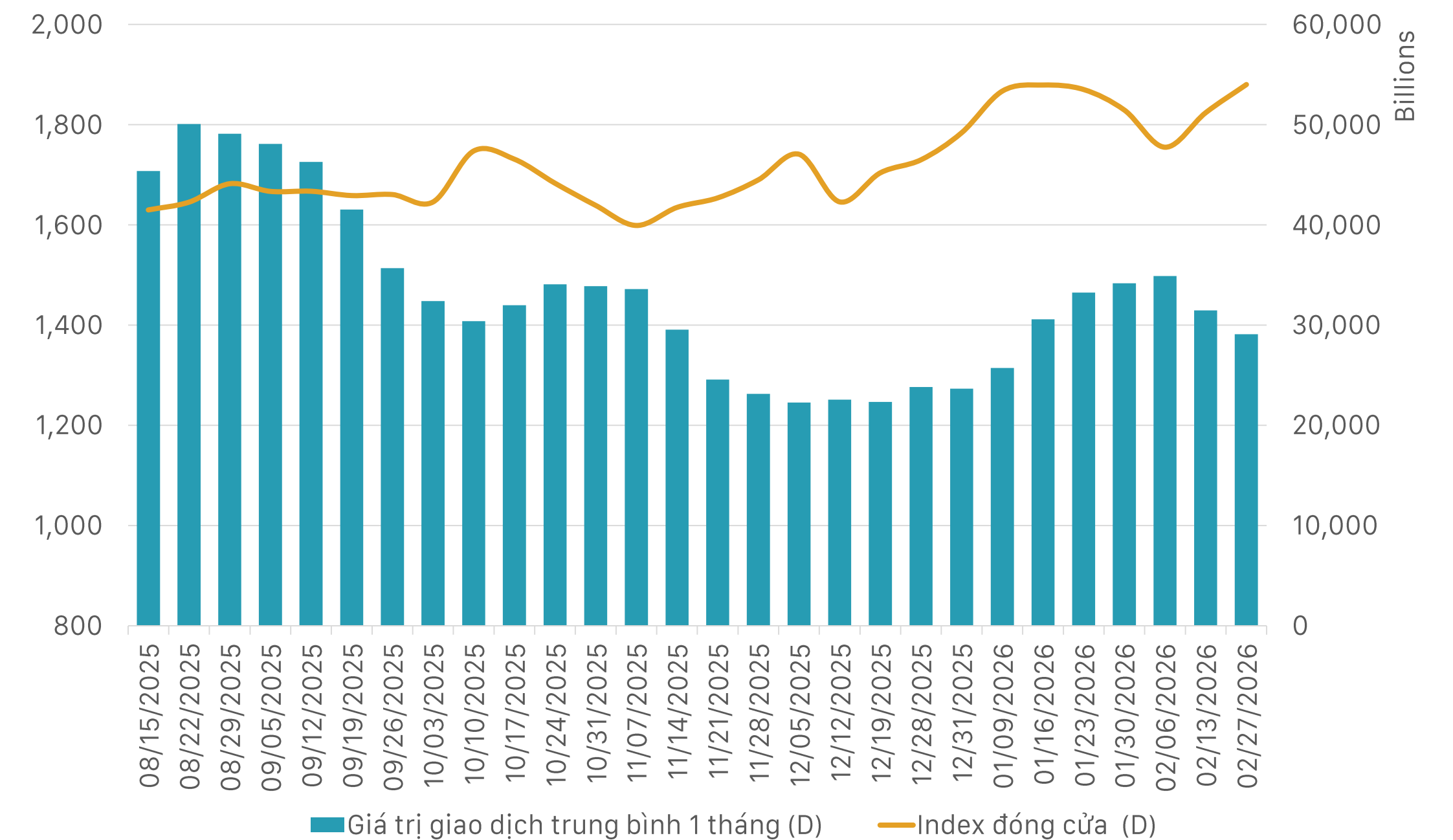
Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt



Đồ thị ngày VN-Index

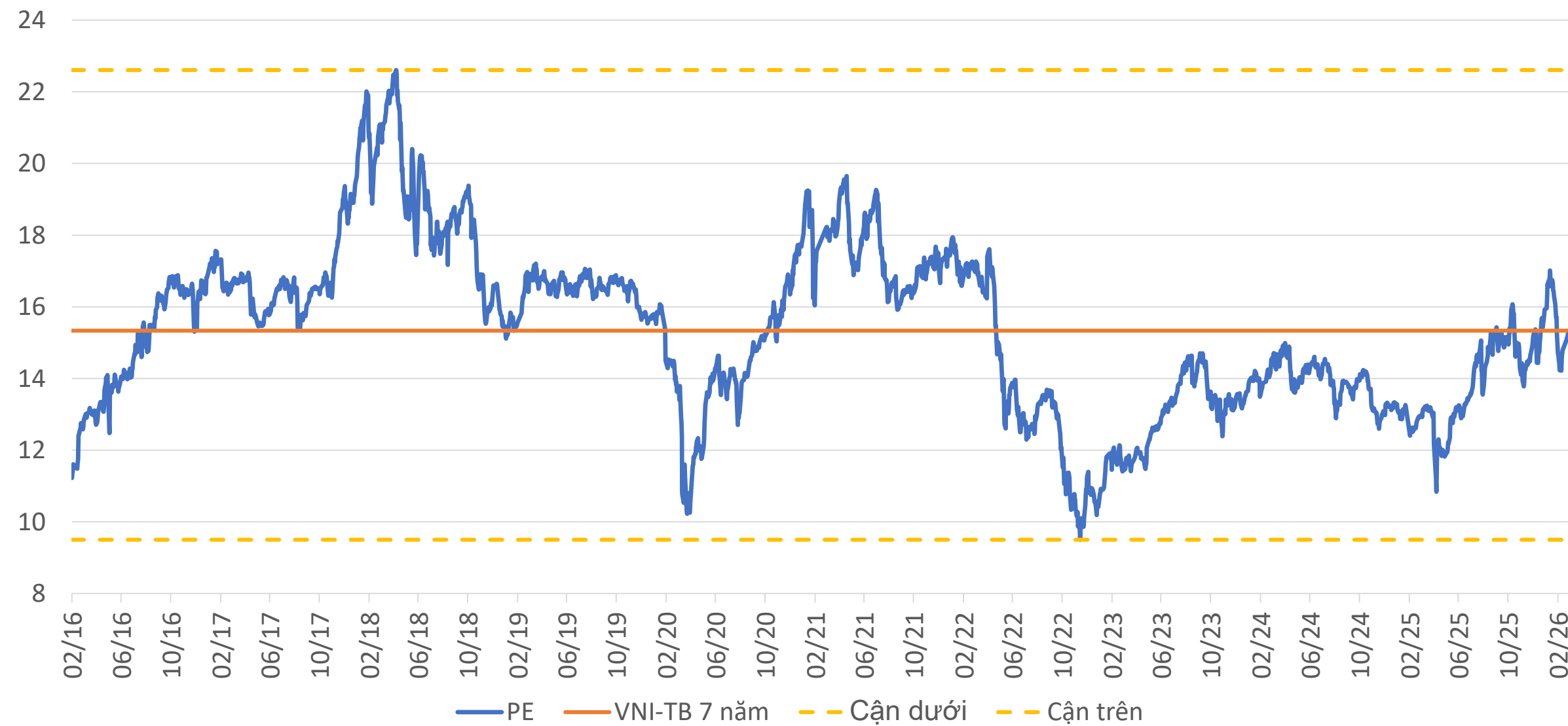


Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

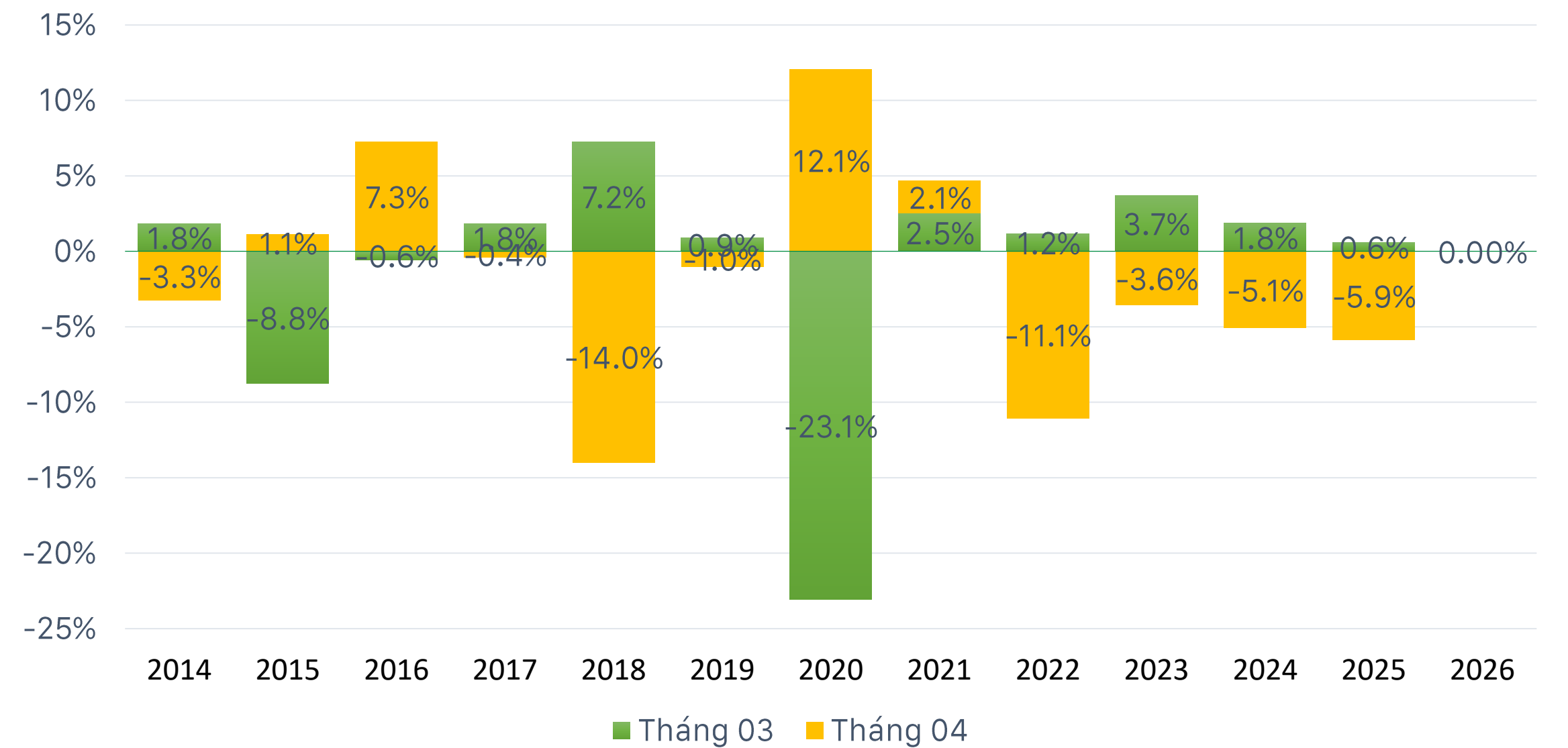


- Trong tuần giao dịch đầu tiên sau nghỉ lễ, thị trường đã khởi sắc với VN-Index tăng khoảng +3,08% lên 1.880 điểm, đưa thị trường vào nhóm tăng mạnh nhất toàn cầu trong tuần qua, thể hiện sự lạc quan và hưng phấn vẫn tiếp diễn sau kỳ nghỉ dài. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh và phân hóa bắt đầu xuất hiện khi VN-Index tiến sát vùng 1.900 điểm, phản ánh tâm lý thận trọng gia tăng ở khu vực kháng cự quan trọng.
- Diễn biến thị trường trong tuần cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm ngành. Nhóm dầu khí dẫn dắt thị trường nhờ giá dầu thế giới tăng và kỳ vọng tự chủ năng lượng quốc gia, phân bón và thép thu hút dòng tiền lớn và duy trì đà tăng tốt, trong khi nhóm thực phẩm tiêu dùng là một trong số ít ngành giảm điểm. Sắc xanh thị trường bị pha loãng phần nào khi nhiều mã trụ cột trong rổ VN30 như VNM, VCB, MSN, SAB chịu lực bán và giảm giá, khiến độ rộng thị trường phiên cuối tuần nghiêng về bên bán. Một số cổ phiếu đáng chú ý tuần qua bao gồm VIC và các mã lớn thuộc hệ sinh thái Vingroup giữ vai trò đầu tàu dẫn dắt, đóng góp điểm tích cực cho chỉ số, trong khi nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ như các mã dầu khí thuộc họ P (PVT, PET, PGC, PVC) thu hút dòng tiền mạnh.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014

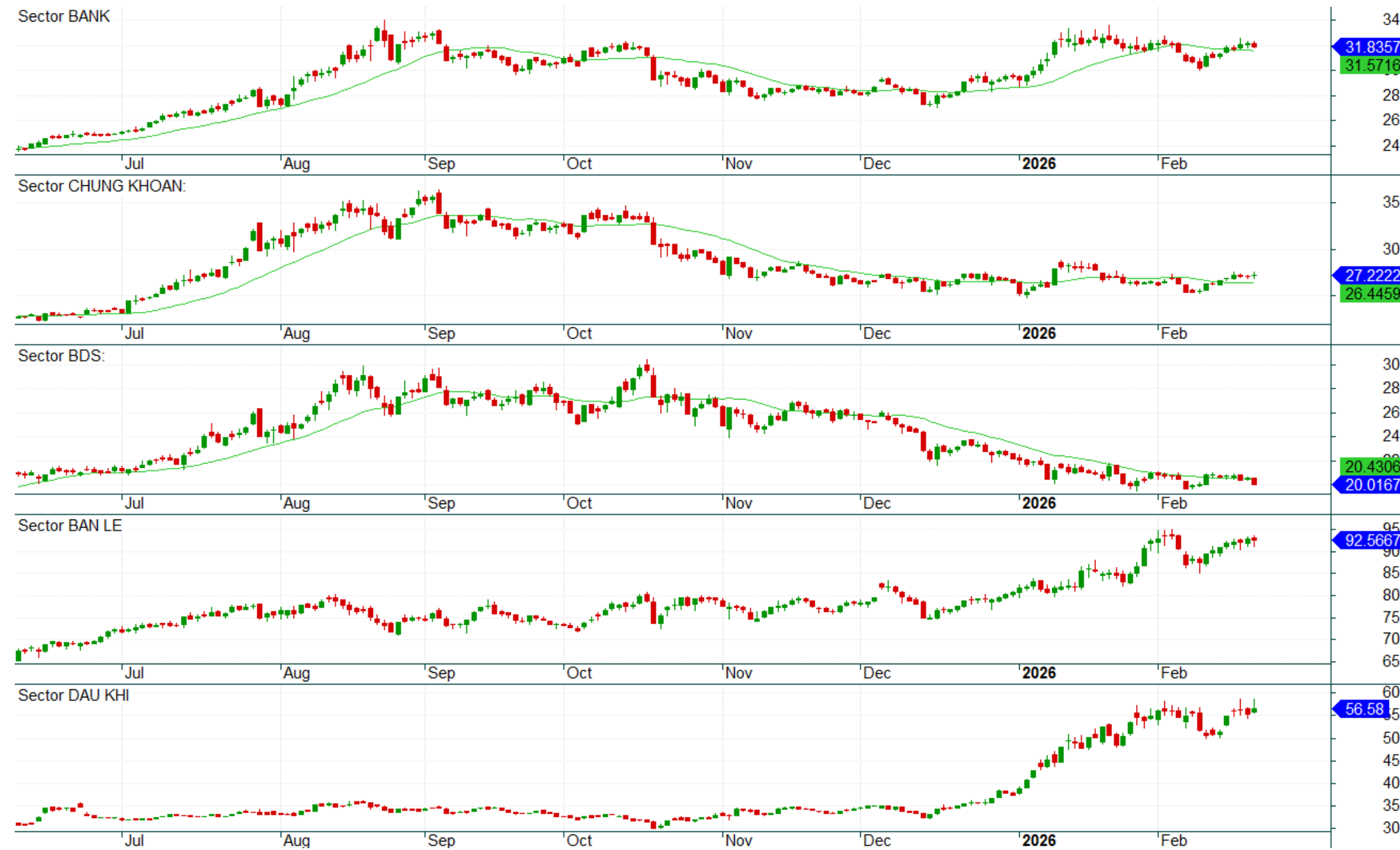


- Sau tuần tăng điểm về gần 1900, PE thị trường đã vượt 15 và về gần mức trung bình 10 năm. Chỉ số định giá thị trường có phần điều chỉnh giảm nhẹ sau khi có kết quả kinh doanh năm của các doanh nghiệp tăng trưởng. Trong nhóm big hiện tại còn một số cổ phiếu đặc biệt có PE cao trên 50 như VIC, VPL hay VJC khoảng 44. Còn lại PE trung bình của nhóm vốn hóa lớn gần xấp xỉ quanh 15 – tương đồng PE chung cả thị trường. Đặc biệt nhóm ngân hàng có PE chỉ khoảng 10.
- Về chu kỳ dòng tiền, thị trường thường duy trì xu hướng tích cực trong các tháng đầu năm nhờ dòng vốn được kích hoạt từ cuối năm trước và kéo dài đến trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Tháng 2 năm nay chỉ số Vnindex đã đạt mục tiêu với mức tăng 4% và có phần vượt trội so với các năm trước. Thống kê tháng 03 ở các năm trước thường là chu kỳ cuối của đợt tăng trưởng Vnindex vì vậy thường chỉ số chỉ tăng nhẹ từ 1% - 3% nhưng nhìn chung hầu hết các tháng đều tăng nhẹ. Thị trường thường sẽ phát nhịp điều chỉnh từ tháng 4 trở đi.

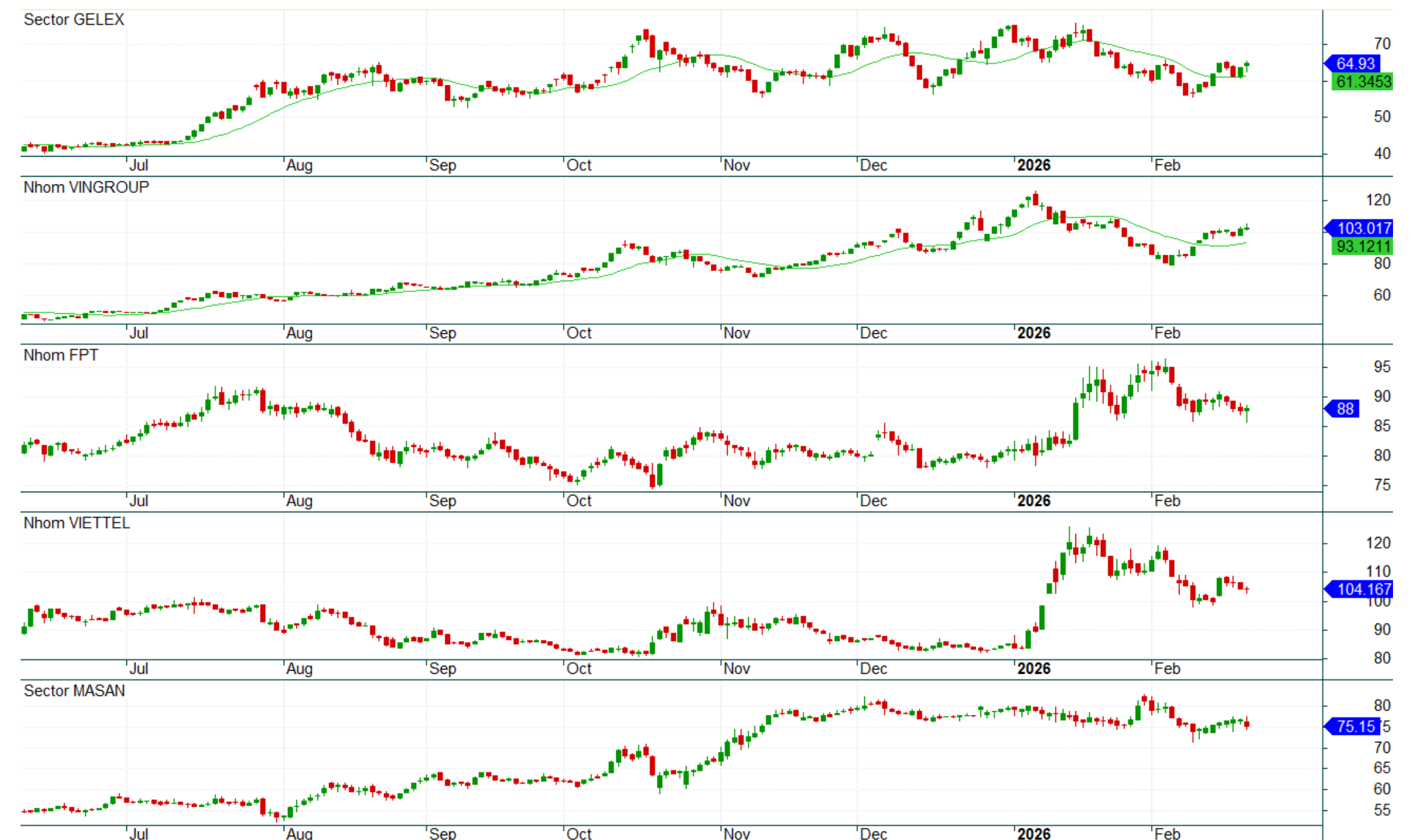
- **Nhóm ngân hàng** giữ giá ở mức khá và có vài cổ phiếu thu hút dòng tiền mạnh như ở HDB, STB, TPB còn lại hầu hết đi ngang. **Nhóm chứng khoán** đang tích lũy ở đáy thấp và đang dần cho tín hiệu đảo chiều ở SSI, VCI, VIX, HCM. TCX vẫn mạnh nhất. **Nhóm BĐS** vẫn khá yếu và chưa có tín hiệu đảo chiều.
- **Nhóm bán lẻ** giữ giá tốt và tăng đều ở DGW, MWG nhưng sức tăng chậm. **Nhóm dầu khí** mạnh mẽ nhất ở nhóm dẫn đầu như BSR, GAS, PVD, PVS và chuyển sang nhóm midcap như PVT, PET, PVC ...

- **Nhóm Gelex** đang hồi phục dần với nhóm lớn GEX, GEE. EIB sau nhịp tăng mạnh đi ngang. **Nhóm VINGROUP** có VIC dẫn đầu chuẩn bị về vùng đỉnh cũ, VRE, VHM tăng chậm hơn.
- **Nhóm FPT** sau nhịp giảm sâu có tín hiệu hồi ở FPT. FOX, FOC vẫn đang dò đáy. FRT vẫn đang ở vùng giá cao.
- **Nhóm Viettel** tiếp tục trạng thái điều chỉnh nhẹ và đang ở vùng giá thấp. **Nhóm MASAN** đang tích lũy giá. Riêng MSR tăng mạnh nhất.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



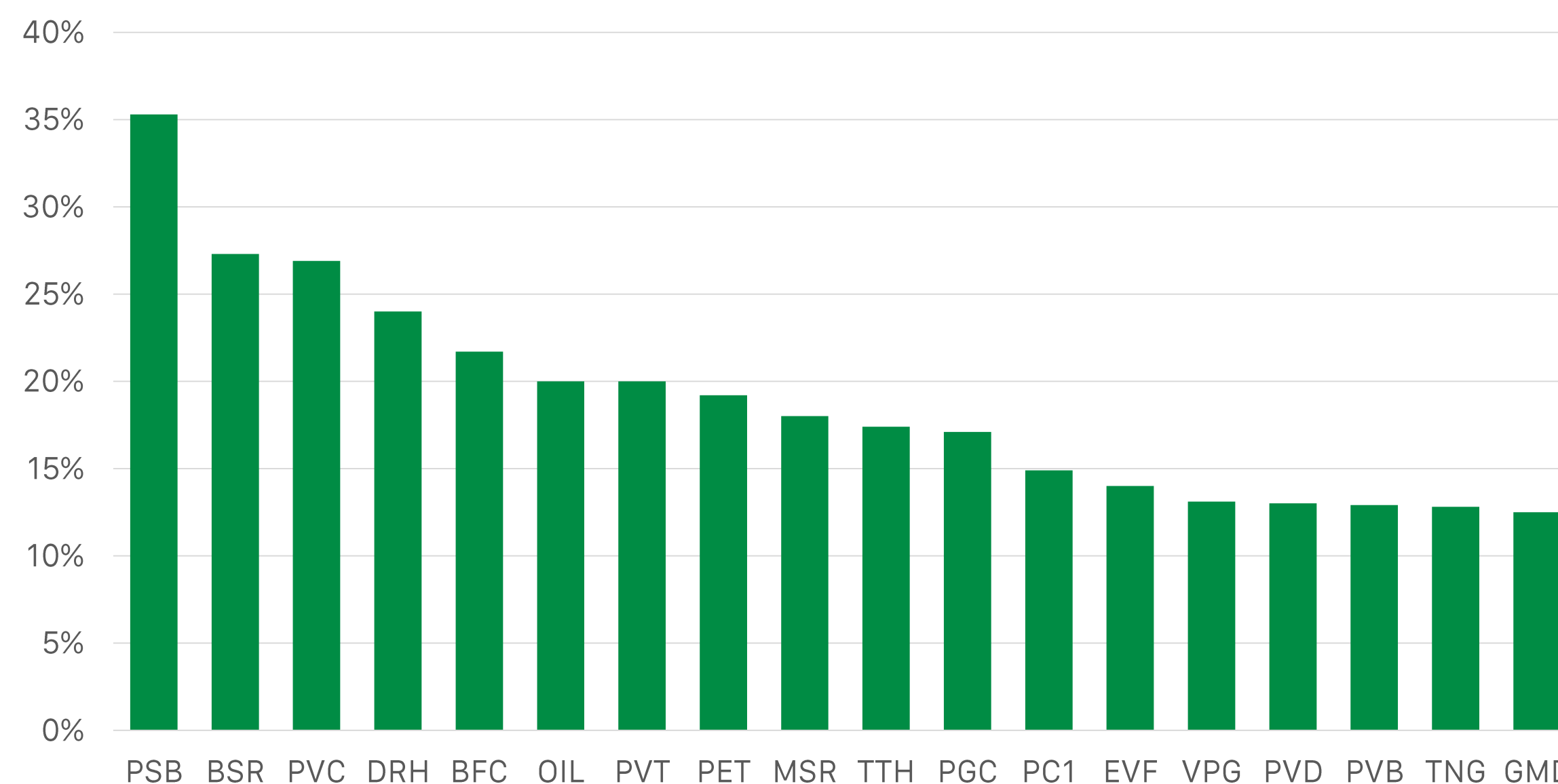
Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



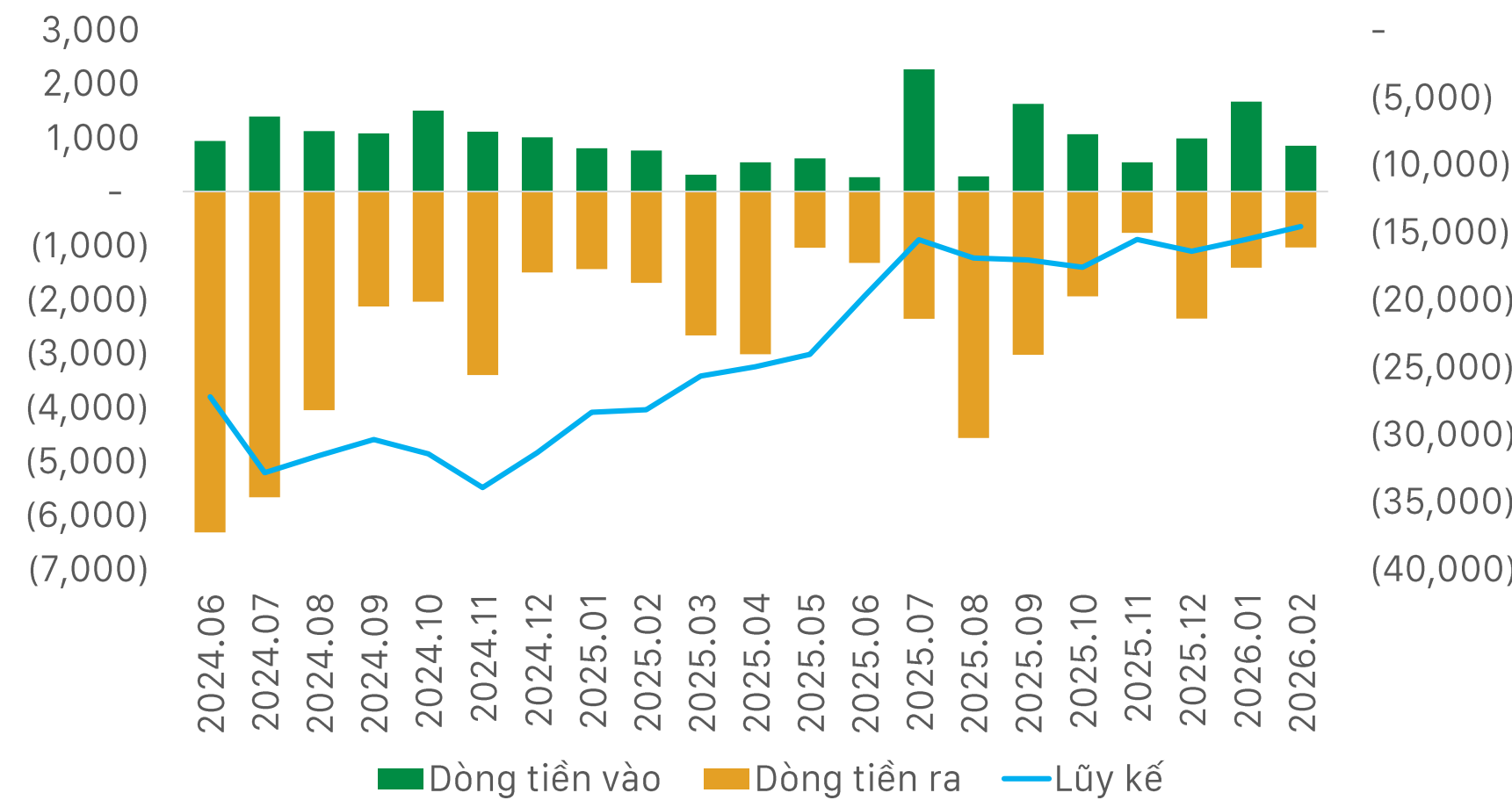
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,880.33	15.25	3.1%	2.7%
Ngân hàng	810.61	10.14	1.4%	-1.0%
Dịch vụ tài chính	1,043.29	16.23	5.1%	6.2%
Bất động sản	1,153.45	21.03	4.2%	9.0%
Hóa chất	343.71	18.59	9.1%	5.8%
Tài nguyên Cơ bản	550.46	17.97	8.6%	12.5%
Ô tô và phụ tùng	370.49	6.92	-0.2%	5.0%
Bán lẻ	1,793.56	19.26	0.7%	10.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	190.05	11.30	2.5%	7.1%
Viễn thông	1,384.80	30.25	3.4%	-12.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8,131.67	15.66	4.7%	-0.9%
Dầu khí	166.46	24.70	19.6%	24.7%
Thực phẩm và đồ uống	891.16	17.72	-8.4%	-16.4%
Xây dựng và Vật liệu	375.32	9.97	2.1%	6.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	342.16	15.52	1.6%	-0.7%
Y tế	1,109.79	17.56	0.6%	1.9%
Công nghệ Thông tin	784.29	16.71	-3.1%	-8.0%
Truyền thông	652.89	42.89	-0.2%	-1.7%
Bảo hiểm	474.12	16.21	3.9%	9.3%
Du lịch và Giải trí	46.03	27.24	0.5%	-2.3%

- Trong tuần 23-27.2 chỉ số Vnindex tăng tiếp 3.1% và tiếp cận lại gần đỉnh 1900. Nhóm Vingroup đóng vai trò quan trọng trong việc giữ chỉ số cùng với một số nhóm blue chip.
- Nhóm dầu khí, hóa chất, thép, chứng khoán đóng góp mạnh nhất cho chỉ số chung – đặc biệt là nhóm dầu khí có mức tăng trung bình đến gần 20%
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm dầu khí như PSB, BSR, PVC, OIL, PVT, PGC, PVD.

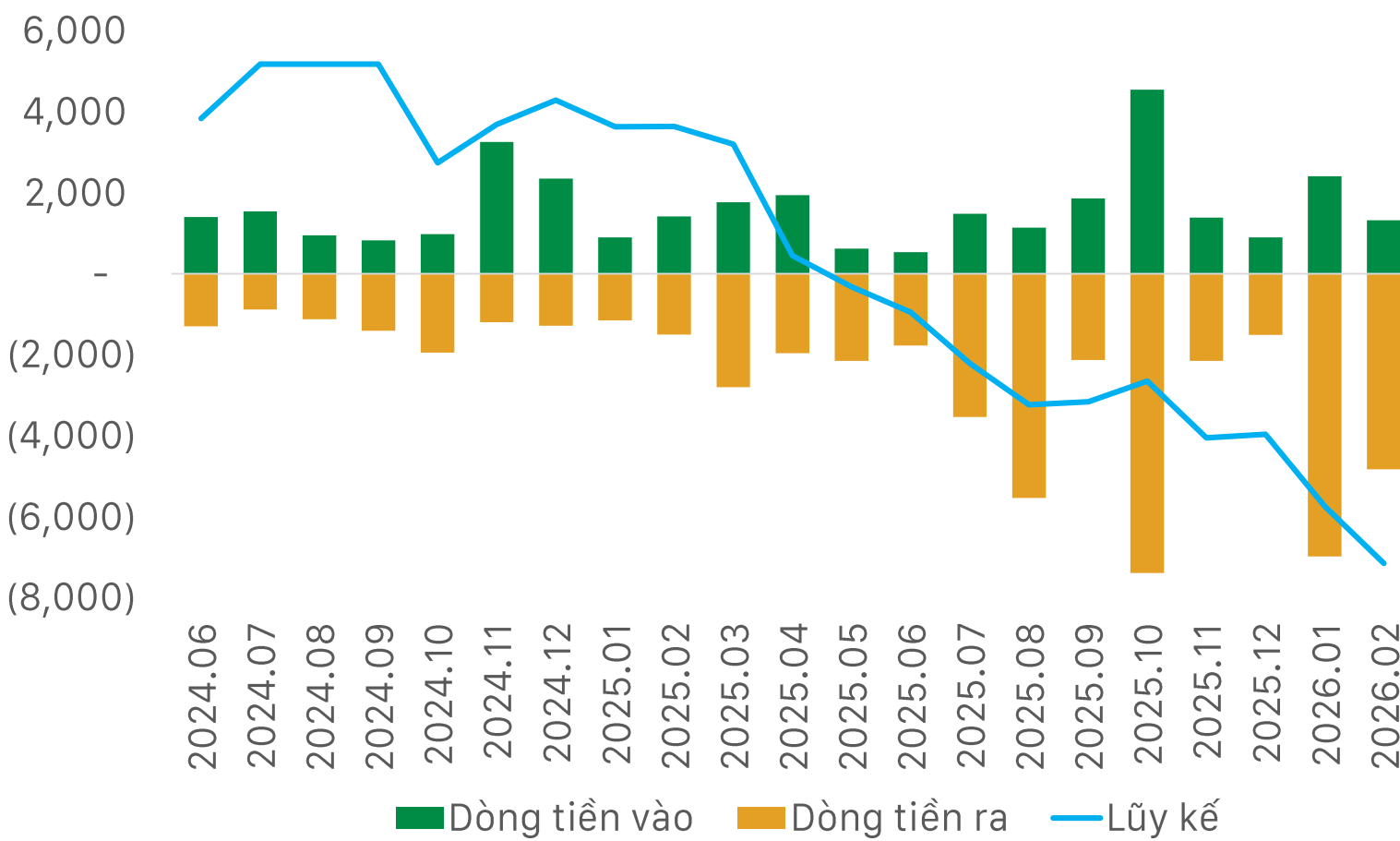
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



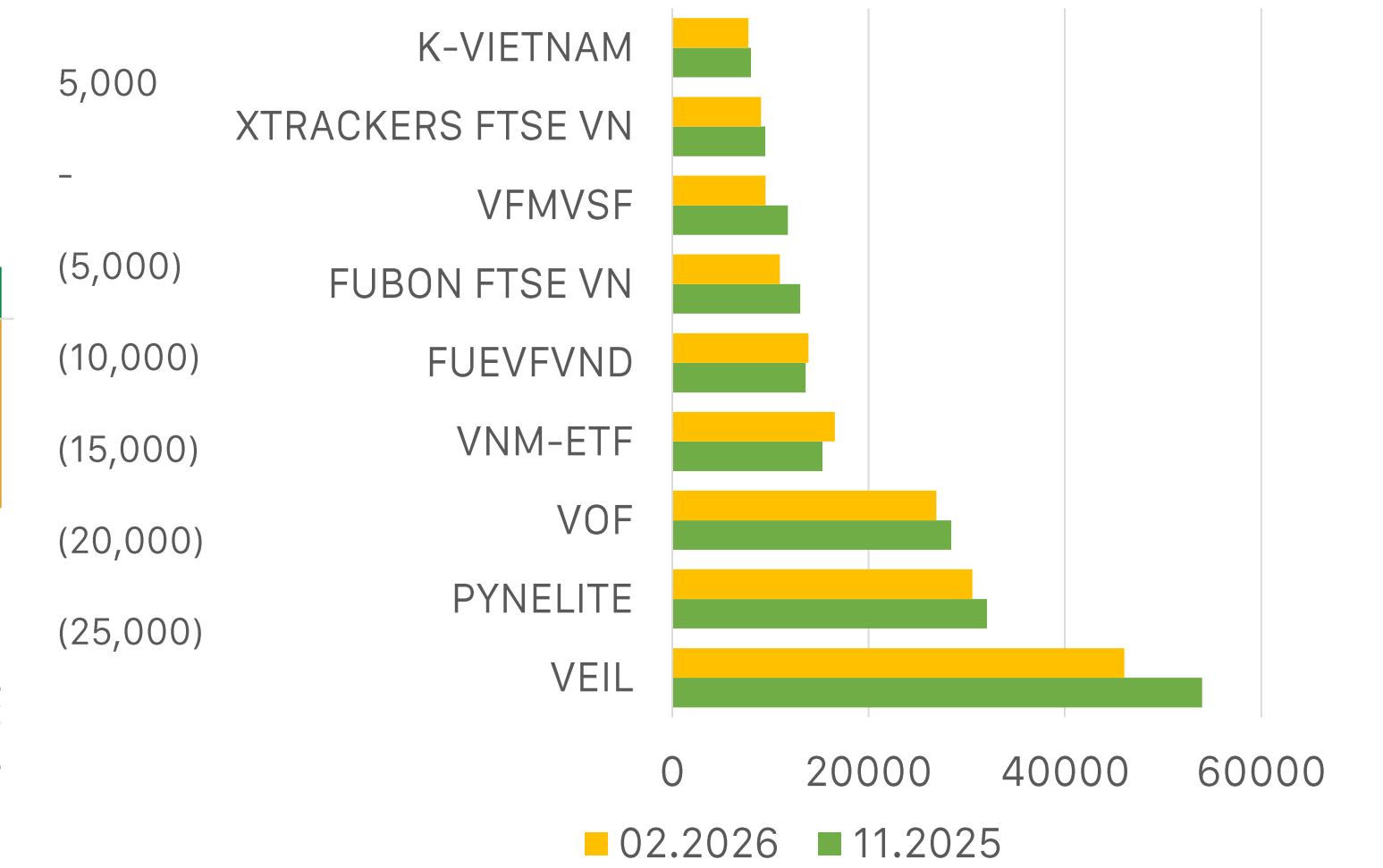
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

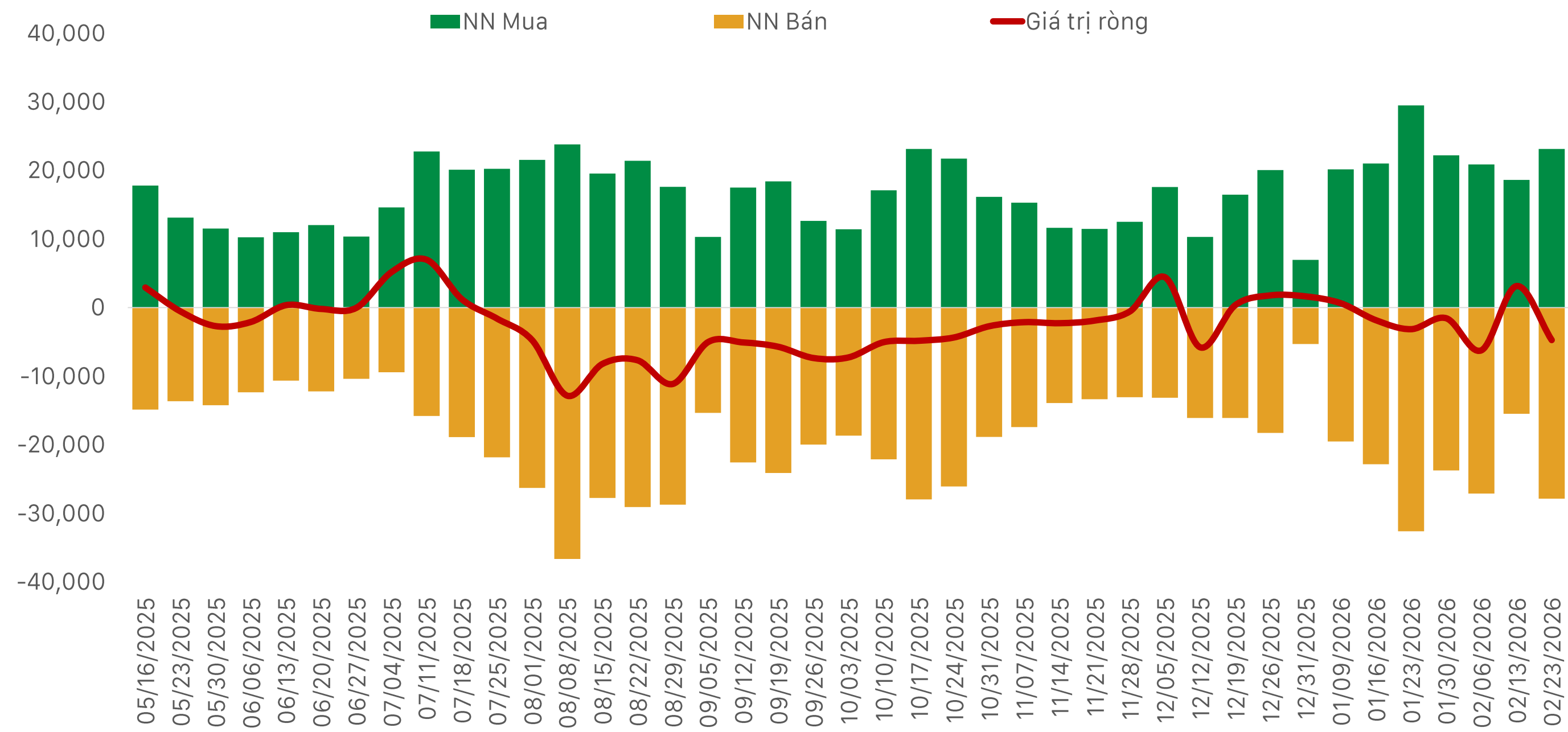


- Dòng vốn toàn cầu giai đoạn giữa – đầu tháng 2 cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm thị trường, phản ánh sự dịch chuyển trong khẩu vị rủi ro và chiến lược phân bổ tài sản của nhà đầu tư quốc tế. Tại khối thị trường mới nổi (Emerging Markets), xu hướng mang tính “lưỡng cực”: dòng vốn tiếp tục rút mạnh khỏi các quỹ cổ phiếu Trung Quốc đại lục do chính sách siết đòn bẩy và tâm lý thận trọng khi chỉ số tiệm cận vùng đỉnh lịch sử 2015. Ngược lại, các thị trường EM khác ghi nhận dòng tiền chọn lọc, tập trung vào những quốc gia có nền tảng vĩ mô ổn định và mức định giá hấp dẫn.
- Ở nhóm thị trường phát triển (Developed Markets), dòng vốn duy trì tính phân bổ chiến lược dài hạn. Các quỹ cổ phiếu Mỹ phục hồi hút vốn, trong khi quỹ cổ phiếu toàn cầu (Global Equity Funds) thu hút dòng tiền mạnh, phản ánh xu hướng đa dạng hóa danh mục theo cấu trúc toàn cầu thay vì tập trung đơn lẻ. Trái lại, châu Âu chịu áp lực rút vốn do rủi ro thương mại, bất ổn chính trị và suy yếu năng lực cạnh tranh xuất khẩu. Nhật Bản và Australia tiếp tục giữ sức hút nhờ cải cách thể chế, ổn định vĩ mô và môi trường đầu tư bền vững.
- Đối với nhóm thị trường cận biên (Frontier Markets), dòng tiền vẫn mang tính chu kỳ và phòng thủ, tập trung vào các nền kinh tế hưởng lợi từ giá hàng hóa và đầu tư hạ tầng; tuy nhiên quy mô giải ngân còn hạn chế và thiên về chiến lược dài hạn hơn là giao dịch ngắn hạn.

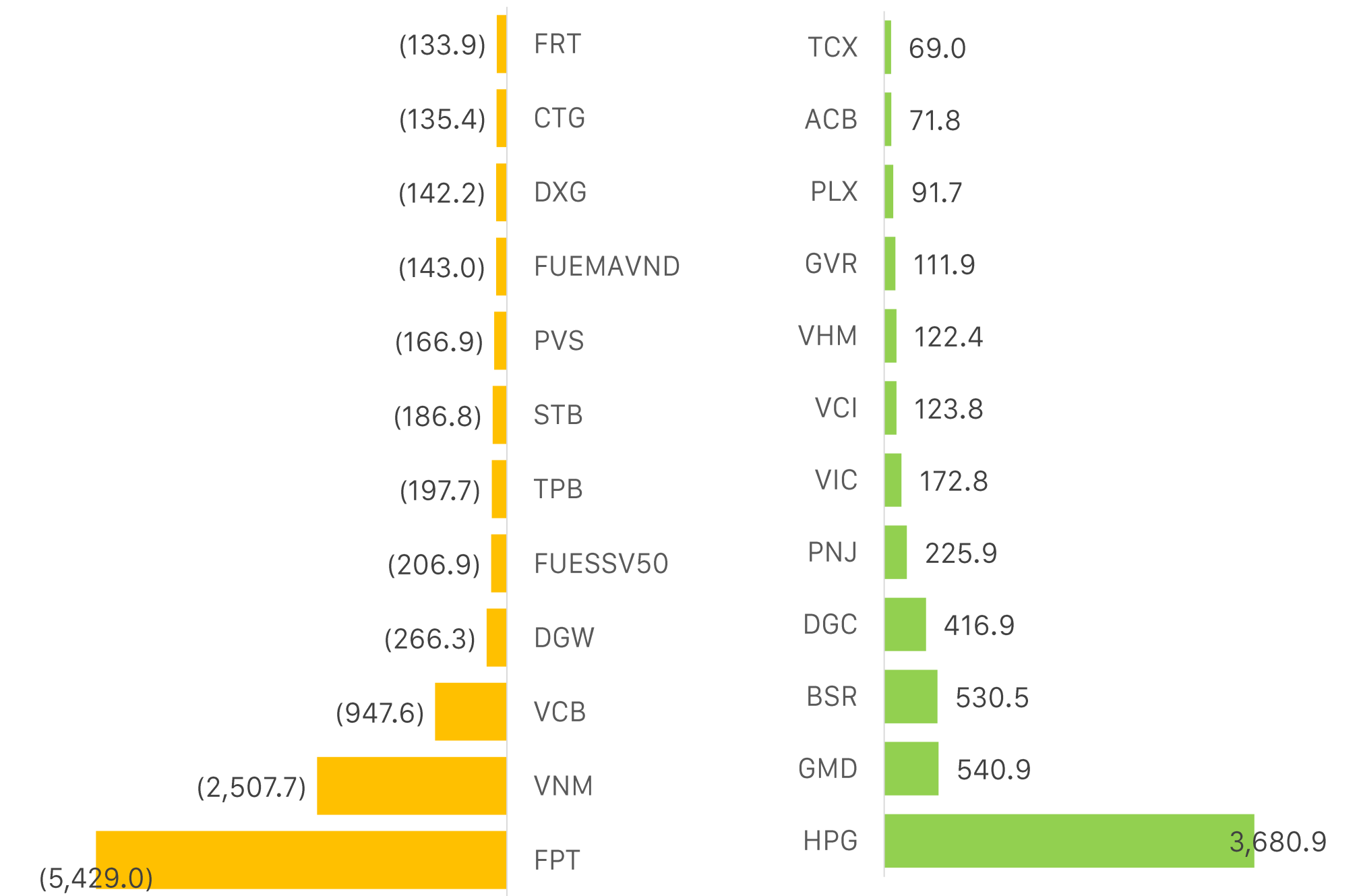
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

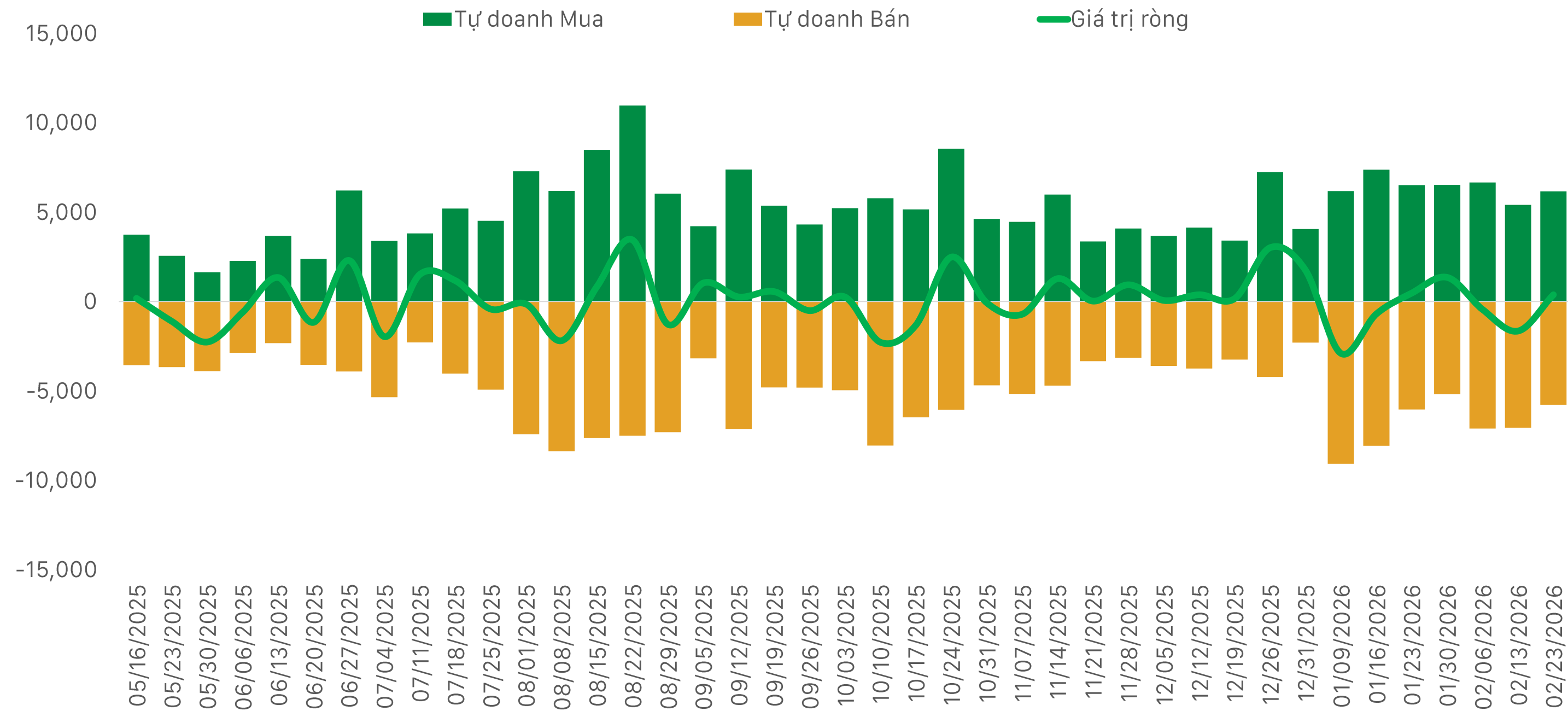


- Trong tuần 23-27.2 khối ngoại gia tăng giao dịch trở lại trong đó có nhiều giao dịch thỏa thuận lớn ở VNM. Giá trị mua trong tuần đạt hơn 23 ngàn tỷ đồng, tăng 24% so với tuần trước trong khi bán ra gần 28 ngàn tỷ đồng, tăng đến 80% với tuần trước lễ. Giá trị bán ròng trong tuần qua lên đến 4738 tỷ đồng.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là FPT với khoảng 5429 tỷ đồng, VNM đứng thứ hai với hơn 2500 tỷ. Một số ngân hàng bán ròng nhiều trong tuần có VCB (947 tỷ), TPB (197 tỷ), STB (186 tỷ), CTG (135 tỷ).
- Phía mua ròng nổi bật có HPG mua ròng khoảng 3680 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có GMD, BSR, DGC, PNJ, VIC.

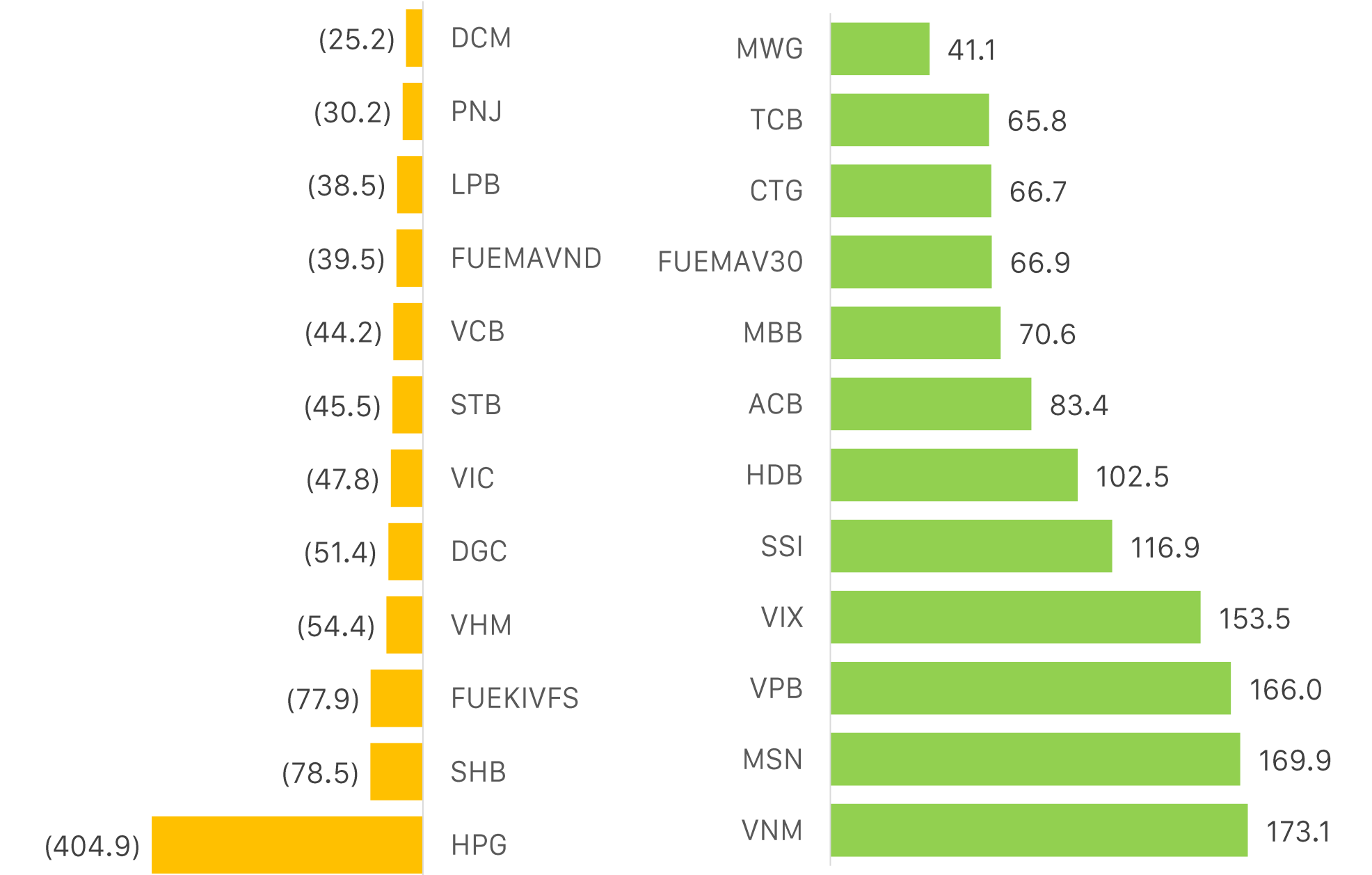
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



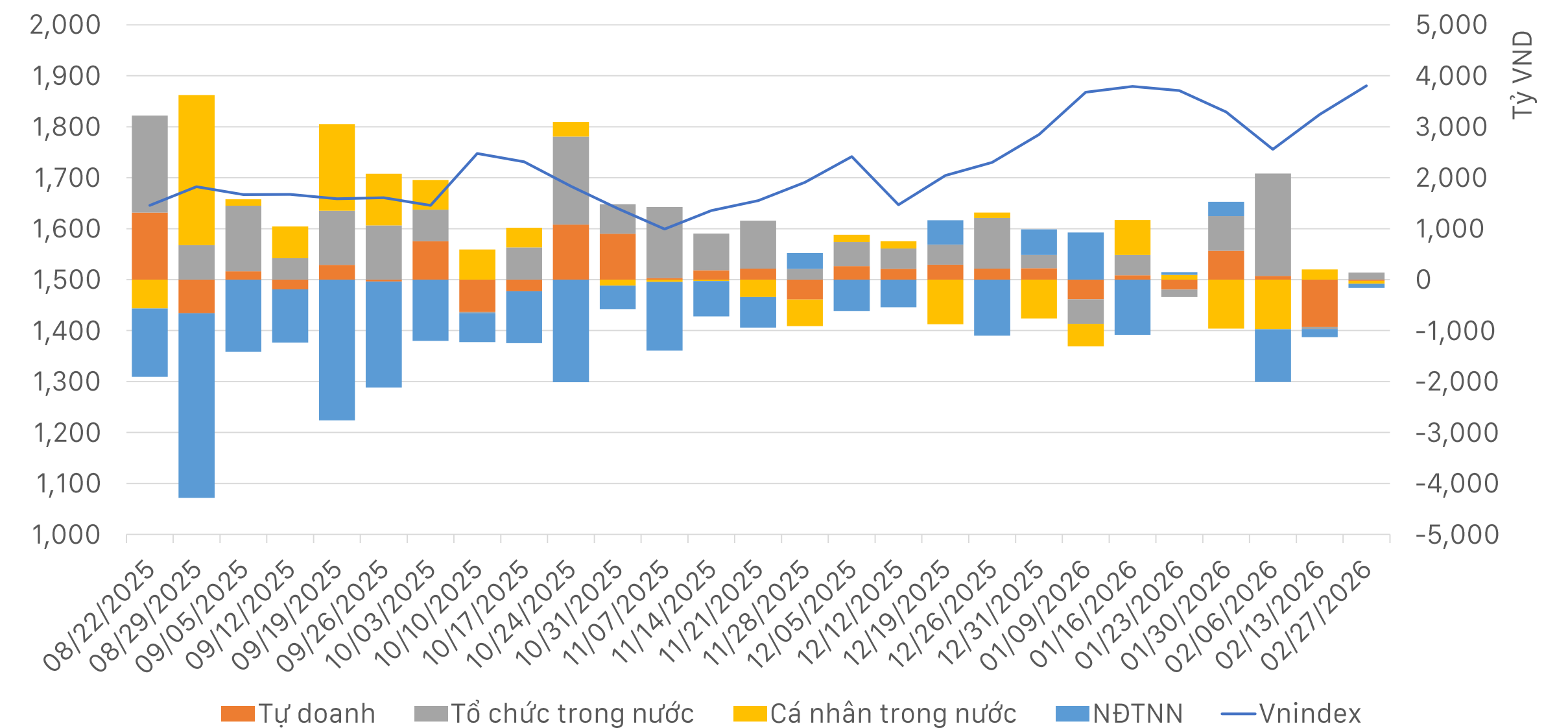
- Tự doanh mua vào khoảng 6161 tỷ - tăng 14% với tuần trước đó và bán ra 5783 tỷ đồng. Tính chung tự doanh mua ròng nhưng không đáng kể - khoảng 400 tỷ đồng.
- HPG là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất với khoảng 404 tỷ đồng trong khi đây là cổ phiếu khối ngoại mua ròng nhiều nhất. SHB, VHM, DGC, VIC trong nhóm bán ròng nhiều nhất với giá trị mỗi mã từ 40 – 80 tỷ đồng.
- Phía mua ròng có VNM, MSN, VPB, VIX trong nhóm mua ròng nổi bật với giá trị từ 150 tỷ - 170 tỷ
- Một số cổ phiếu tự doanh mua ròng khá tập trung hầu hết ở nhóm ngân hàng như SSI, HDB, ACB, MBB, CTG, TCB

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	18.6%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	13.3%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	13.7%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	5.5%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	7.4%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	7.2%	HHS, HUT	
Bán lẻ	6.1%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.8%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	5.9%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.8%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.3%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	7.1%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.3%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.9%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	0.8%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.6%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.3%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

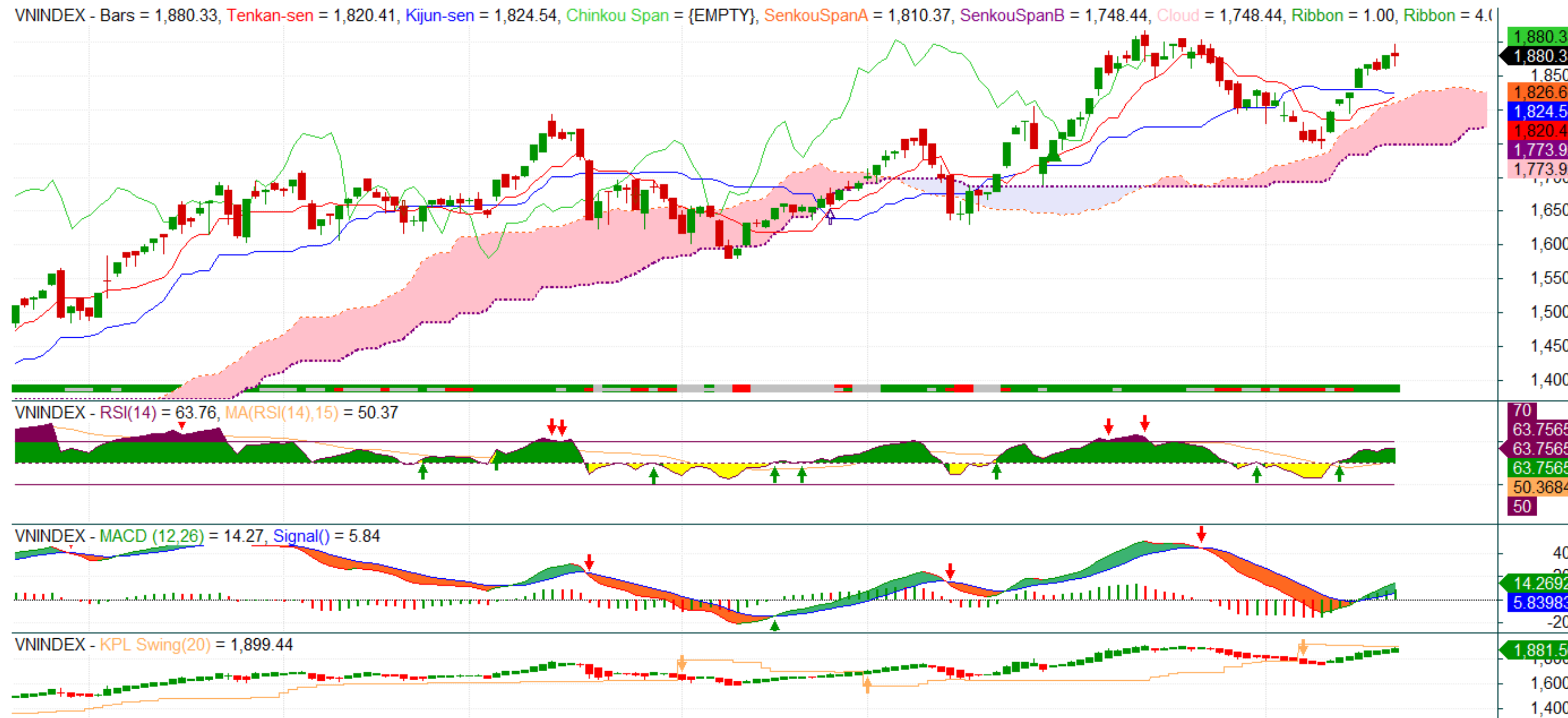
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và chứng khoán chiếm tỷ trọng lớn khoảng 30% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm VPB, TPB, SSI, HPG.
- Thanh khoản chung thị trường có sự sụt giảm mạnh so với tuần trước đó do đây là tuần lễ giao dịch đầu tiên sau nghỉ lễ. Trong tuần sau khả năng thị trường sẽ giao dịch nhiều hơn với các hoạt động cơ cấu danh mục diễn ra sôi động.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

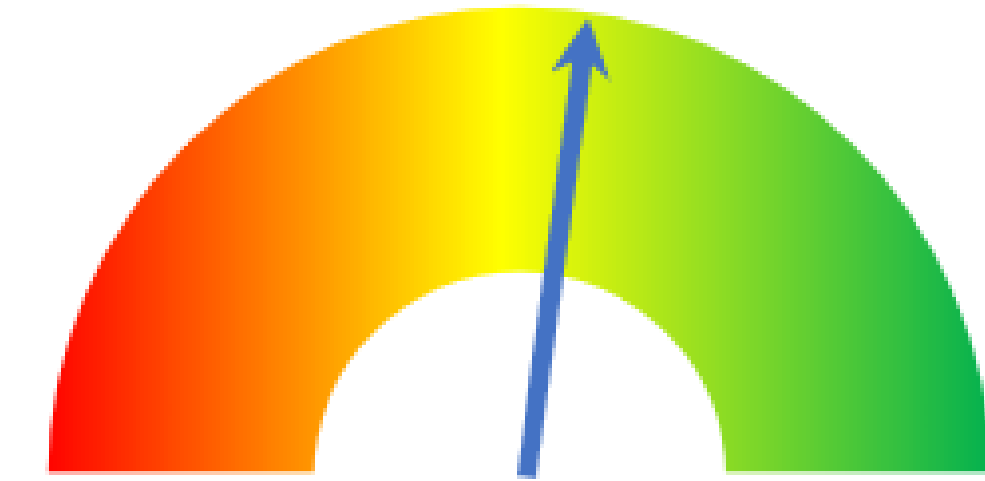


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	63.45
MACD	14.27
MFI	65.43
MA20	1817
MA50	1804
MA200	1617

- Thị trường vừa trải qua một tuần giao dịch sôi động sau kỳ nghỉ Tết với đà tăng được dẫn dắt bởi các nhóm cổ phiếu lớn như Vingroup (VIC, VHM) và dầu khí (BSR, GAS), giúp thị trường duy trì xu hướng tích cực trung hạn. Tuy nhiên, bước sang tuần tới (từ 2-6/3/2026), chỉ số có thể đối mặt với áp lực chốt lời mạnh mẽ khi tiệm cận vùng kháng cự tâm lý 1.900-1.920 điểm – đỉnh lịch sử cũ. Trong vài phiên cuối tuần thị trường đã thể hiện sự phân phối mạnh dù chỉ số Vnindex vẫn đứng vững nhưng hơn 2/3 cổ phiếu đã điều chỉnh.
- Chiến sự Iran nổ ra cuối tuần qua, với Mỹ và Israel tiến hành không kích, đã tạo biến động địa chính trị lớn, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường toàn cầu và tác động đến tâm lý ngắn hạn trong nước. Tại Việt Nam, sự kiện này có thể gây rung lắc ngắn hạn cho chứng khoán. Tuy nhiên, khả năng xung đột ở mức giới hạn và không kéo dài, thị trường có thể ổn định nhanh chóng sau vài phiên, với dòng vốn đổ vào tài sản trú ẩn như vàng. Đặc biệt, nhóm dầu khí và hóa chất sẽ hưởng lợi lớn từ giá hàng hóa tăng cao, trở thành tâm điểm dẫn dắt.

Thị trường đang chọn lọc các nhóm cổ phiếu tiềm năng đầu tư cho năm 2026. Nhà đầu tư lưu ý các nhóm ngành đang có dòng tiền vào mạnh như nhóm ngân hàng, dầu khí, hóa chất, chứng khoán, bán lẻ, nông nghiệp.

Cổ phiếu quan tâm: MWG, BSR, HAG, VIC, VHM, FPT, MBB, TCB, DCM, GMD, GEX, VCI, TCX

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

Ngân hàng: **MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG, FPT**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
2	HAG	22,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.
3	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	FPT	120,000	25%	5,500	17.7	<ul style="list-style-type: none"> CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8% Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%. Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.
4	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	22,000
% tăng giá	25%
Vùng giá mua	16,000 – 17,000
Giá dừng lỗ	14,000

Phân tích kỹ thuật

HAG đang vận động trong xu hướng tăng trung hạn, nhưng giai đoạn hiện tại cho thấy trạng thái đi ngang – tích lũy rõ nét. Giá đóng cửa tại quanh 16, dao động sát vùng MA20 (17,28) và thấp hơn MA50 (17,63), phản ánh lực cầu chưa đủ mạnh để tạo nhịp bứt phá. Dải Bollinger thu hẹp và cấu trúc nền co lại cho thấy thị trường đang trong pha “nén biên”, chờ tín hiệu hướng đi tiếp theo.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong năm qua. Hoạt động kinh doanh đang dần khởi sắc với lợi nhuận năm 2025 tiếp tục duy trì lên 2126 tỷ đồng. 2025 HAG đạt doanh thu 7441 tỷ đồng và lợi nhuận 2126 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Kết quả trên đạt được trong bối cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu tài chính, trọng tâm là xử lý các khoản trái phiếu đã tồn tại trong nhiều năm. Trong năm 2025, công ty đã phát hành 210 triệu cổ phiếu phổ thông nhằm hoán đổi hơn 2.500 tỷ đồng nợ trái phiếu nhóm B cho 6 chủ nợ, qua đó xóa bỏ nghĩa vụ nợ vay tương ứng trước thời điểm đến hạn.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	7,441
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	2,126
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,780
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	14,185
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	26,892
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	11,191
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,677
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	15.0%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,208
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,693
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	7,902
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	55.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	32,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	24,000 - 26,000
Giá dừng lỗ	22,000

Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng tăng trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy giá MBB đang trong giai đoạn tích lũy. Vùng hỗ trợ MBB quanh 26-27 là đường MA50 trung hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 30-35

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.615 triệu tỷ đồng, tăng 43% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dự nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dự nợ cho vay khách hàng tăng 40%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Song song với tăng trưởng tài chính, MB tiếp tục củng cố vị thế ngân hàng số tiên phong. Đến cuối năm 2025, ngân hàng phục vụ khoảng 35 triệu khách hàng, xử lý hơn 11 tỷ giao dịch, trong đó 98,8% thực hiện trên kênh số – một chỉ báo cho thấy hành vi khách hàng đã dịch chuyển căn bản sang môi trường số. Đáng chú ý, việc ứng dụng AI và Big Data trong phê duyệt tín dụng đã giúp MB cấp hạn mức gần 70 nghìn tỷ đồng, cho thấy chuyển đổi số không còn dừng ở chiến lược hay thông điệp truyền thông, mà đã trở thành năng lực vận hành cốt lõi, tạo ra giá trị thực chất về hiệu quả, kiểm soát rủi ro và tốc độ tăng trưởng.
- Năm 2025, MBB đạt lợi nhuận hơn hơn 27 ngàn tỷ đồng, tăng 19.3% so với cùng kỳ. MBB hiện vẫn là ngân hàng có tỷ lệ CASA ấn tượng hơn 36%, nợ xấu ở mức thấp 1.3% - giảm mạnh so với 1.6% 2024 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức 93%.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỷ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	110,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	80,000 - 85,000
Giá dừng lỗ	75,000

Phân tích kỹ thuật

MWG đang duy trì xu hướng tăng trung hạn rõ ràng. Giá hiện tại 92,9 đã vượt lên trên toàn bộ các đường trung bình quan trọng: MA20 (86,9), MA50 (84,5) và MA100 (82,6). Cấu trúc "higher high – higher low" được giữ vững từ cuối tháng 11 đến nay cho thấy xu hướng tăng vẫn đang chiếm ưu thế. Việc giá bứt lên vùng cao mới đi kèm cây nến tăng mạnh cuối tuần củng cố tín hiệu tiếp diễn xu hướng.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2025 cùng kế hoạch kinh doanh năm 2026, ghi nhận nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh và ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 đạt 2.071 tỷ đồng, tăng hơn 2,4 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, MWG ghi nhận 7.036 tỷ đồng lợi nhuận ròng, tăng 89% so với năm trước, phản ánh sự phục hồi rõ nét của hoạt động bán lẻ.

Bước sang năm 2026, MWG đặt mục tiêu doanh thu tăng 18% và lợi nhuận sau thuế tăng 30%, cho thấy kỳ vọng cải thiện mạnh mẽ hiệu quả vận hành. Trong đó, Điện Máy Xanh tiếp tục là trụ cột chính, dự kiến đóng góp khoảng 65% doanh thu và 80% lợi nhuận toàn tập đoàn. Chuỗi này đặt mục tiêu tăng trưởng 15% doanh thu và 20% lợi nhuận, với chiến lược tập trung vào dịch vụ trọn vòng đời sản phẩm. Mạng dịch vụ Thợ Điện Máy Xanh được định hướng phát triển thành nền tảng đa dịch vụ, không chỉ phục vụ nội bộ mà còn mở rộng ra thị trường sửa chữa, bảo trì cho hộ gia đình.

Ở thị trường quốc tế, chuỗi EraBlue tại Indonesia dự kiến mở rộng lên 300 cửa hàng trong năm 2026, hướng tới tăng trưởng doanh thu 30% và từng bước chuẩn bị cho lộ trình IPO.

Trong khi đó, Bách Hóa Xanh được kỳ vọng đóng góp khoảng 30% doanh thu và 20% lợi nhuận, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu trên 20%. Động lực chính đến từ tối ưu cửa hàng hiện hữu, mở mới khoảng 1.000 điểm bán và cải thiện biên lợi nhuận theo mô hình "siêu thị gần nhà – giá tiết kiệm".

Ngoài ra, các chuỗi An Khang và AvaKids được đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 20–30% trong năm 2026, đồng thời duy trì trạng thái kinh doanh có lãi, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái bán lẻ đa ngành của MWG.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	156,458
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	7,037
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	30,294
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	1,471
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,470
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	33,179
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	83,959
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	22,575
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	4,788
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	21.2%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	29,931
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	29,931
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.2%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	120,000
% tăng giá	23.5%
Vùng giá mua	90,000 - 95,000
Giá dừng lỗ	85,000

Phân tích kỹ thuật

FPT đang tích lũy đi ngang sau giai đoạn tăng tốc năm 2024. Nền giá thấp nhất của FPT hiện tại quanh 85 trong khi mức giá hiện tại không cách quá xa mốc này.

FPT là cổ phiếu tăng trưởng dài hạn và có lợi nhuận tăng trưởng ổn định nhất so với nhiều doanh nghiệp khác. Giá FPT kỳ vọng tích lũy quanh vùng 95 và có thể tăng tốc vượt lên MA200 trong năm nay lên trên 100.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp










- CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8% so với năm trước, phản ánh hiệu quả vận hành cải thiện rõ rệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Đáng chú ý, FPT trúng thầu 26 dự án quy mô trên 10 triệu USD, trong khi doanh số ký mới mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài vượt 1,5 tỷ USD, cho thấy năng lực cạnh tranh quốc tế và đà mở rộng thị trường toàn cầu ngày càng rõ nét.
- Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%. Trong đó, Dịch vụ CNTT nước ngoài là điểm sáng nổi bật với doanh thu ký mới 40.636 tỷ đồng (hơn 1,5 tỷ USD), tăng 23%, còn doanh thu chuyển đổi số từ thị trường quốc tế đạt 16.751 tỷ đồng, tăng 16,8%, tập trung vào các trụ cột công nghệ như Cloud, AI và Data Analytics. Ở thị trường trong nước, Dịch vụ CNTT tăng trưởng doanh thu, nhưng biên lợi nhuận chịu áp lực do chi phí và cạnh tranh, phản ánh đặc trưng của giai đoạn đầu tư chiều sâu.
- Năm 2025 cũng đánh dấu bước chuyển chiến lược quan trọng của FPT trong lộ trình AI-First: đưa vào vận hành hai AI Factory tại Việt Nam và Nhật Bản, ký các hợp đồng chuyển đổi số quy mô lớn hàng trăm triệu USD, và mở rộng hiện diện toàn cầu thông qua M&A và hợp tác chiến lược. Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.



FPT	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	29,830	35,657	44,010	52,618	62,849	70,113
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,538	4,337	5,310	6,465	7,857	9,369
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	11,814	13,632	17,167	20,320	23,698	25,895
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(385)	(484)	(646)	(833)	(552)	810
KLCP DLH (triệu CP)	784	908	1,097	1,270	1,471	1,704
VCSH (tỷ VND)	18,606	21,415	25,356	29,933	35,728	43,751
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	41,734	53,698	51,650	60,283	72,000	88,090
Book Value	23,732	23,597	23,114	23,570	24,287	25,683
EPS	4,513	4,779	4,840	5,091	5,341	5,500
ROE	19.0%	20.3%	20.9%	21.6%	22.0%	21.4%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	12,062	17,799	10,904	13,838	14,446	19,170
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	678	2,296	1,478	208	501	1,904

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Retail Sales Đức & ISM Manufacturing Mỹ – chỉ số bán lẻ Đức và ISM sản xuất Mỹ nằm trong lịch tuần. Bán lẻ mạnh ở Đức hỗ trợ đồng EUR, trong khi ISM sản xuất Mỹ tốt có thể củng cố kỳ vọng tăng trưởng, ảnh hưởng tới USD và thị trường cổ phiếu	 Tăng trưởng xuất khẩu / PMI Trung Quốc (tuần) – dữ liệu sau Tết có thể hé lộ nền kinh tế lớn thứ hai thế giới phục hồi ra sao, tác động tới hàng hóa, chứng khoán châu Á và định giá tài sản rủi ro.	 ADP Employment Report & ISM Services PMI (Mỹ) – báo cáo việc làm tư nhân ADP + PMI dịch vụ Mỹ. Số liệu mạnh có thể làm giảm kỳ vọng cắt lãi của Fed, gây áp lực cho thị trường trái phiếu và hỗ trợ USD.	 Eurozone Retail Sales – doanh số bán lẻ khu vực đồng EUR. Số liệu tích cực cải thiện kỳ vọng tiêu dùng, hỗ trợ đồng EUR và cổ phiếu bán lẻ châu Âu; yếu đi có thể kích thích dòng trú ẩn an toàn	 Eurozone GDP Q4 (cuối cùng) – mức tăng trưởng cuối cùng của khu vực EUR. Số liệu được chốt có thể củng cố hoặc làm lung lay kỳ vọng tăng trưởng khu vực, tác động tới EUR và cổ phiếu châu Âu.
 PMI Sản xuất Trung Quốc – chỉ số PMI sản xuất được công bố khi thị trường Trung Quốc trở lại sau Tết, ảnh hưởng mạnh tới đồng CNY và cổ phiếu ngành công nghiệp/chuỗi cung ứng toàn cầu. Dữ liệu yếu có thể gây áp lực bán CNY, cổ phiếu công nghệ liên quan chuỗi cung ứng.	 Eurozone CPI sơ bộ – chỉ số lạm phát khu vực đồng EUR dự kiến công bố. Lạm phát cao hơn dự báo có thể đẩy EUR mạnh, đặt áp lực lên chính sách ECB và chi phí vốn cho thị trường chứng khoán châu Âu.	 Thông tin từ Ngân hàng Trung ương Canada & PMI Trung Quốc khác – dù không trực tiếp liên quan VN, những động thái chính sách và tín hiệu PMI đều tác động lan truyền qua tài sản rủi ro và dòng vốn chảy vào tài sản châu Á.	 Các phiên họp ngân hàng Trung ương / bình luận chính sách (nếu có) – các động thái lãi suất hoặc bình luận sớm về lạm phát/rủi ro vĩ mô có thể ảnh hưởng đến tỉ giá, trái phiếu và chứng khoán	 Kinh tế Trung Quốc – NPC (Quốc hội Trung Quốc) họp phiên lần 3 – báo cáo về kế hoạch kinh tế, ngân sách và chính sách vĩ mô có thể được bàn thảo, ảnh hưởng tới niềm tin kinh tế và dòng vốn ngoại

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SDC	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/04/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	COM	HOSE	16/03/2026	17/03/2026	2/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DNC	HNX	9/3/2026	10/3/2026	1/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STC	HNX	3/3/2026	4/3/2026	27/03/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TDF	UPCoM	27/02/2026	2/3/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
7	TMG	UPCoM	26/02/2026	27/02/2026	11/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SHP	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PJC	HNX	26/02/2026	27/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	REE	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026	19/06/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	HPD	UPCoM	24/02/2026	25/02/2026	5/3/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VSH	HOSE	13/02/2026	23/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EBS	HNX	13/02/2026	23/02/2026	28/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BCM	HOSE	12/2/2026	13/02/2026	13/03/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	USD	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	27/02/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,520 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DAE	HNX	11/2/2026	12/2/2026	3/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHN	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	6/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FCM	HOSE	9/2/2026	10/2/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU